

Unit 3 AT HOME

Part B: Hoa's family

I. New words:

1. farm (n): nông trại
=> farmer (n): nông dân
2. housework (n): công việc nhà
3. housewife (n): nội trợ
4. cattle (n): gia súc
5. primary school (n): trường cấp 1
6. secondary school (n): trường cấp 2
7. high school (n): trường cấp 3
8. university (n): đại học
9. journalist (n): nhà báo
10. newspaper (n): báo
11. apartment (n): căn hộ
12. meal (n): bữa
13. grow (v): trồng trọt
14. raise (n): chăn nuôi
15. take care of = look after (v): chăm sóc
16. furnish (v): trang bị
=> furnished (a): được trang bị
17. sickness = illness = disease (n): căn bệnh
=> sick = ill (a): bị bệnh
18. empty (a): trống rỗng
19. suitable for (a): phù hợp
20. From...till... : từ....đến...

II. Remember:

1. Comparative and superlative of long Adj (so sánh hơn và so sánh nhất của tính từ dài)

a. Tính từ dài:

Là những từ có từ 2 âm trở lên.

Eg: expensive: more expensive than

The most expensive

interesting:

handsome:

boring:

beautiful:

b. So sánh hơn:

S1 + be + more + long Adj + than + S2
--

eg: Hoa is **more beautiful than** Lan.

The blue dress is **more expensive than** the red one.

c. So sánh nhất:

S + be + the most + long Adj.

Eg: Bill is **the most intelligent** student in my class.

Hoa is **the most beautiful** girl.

d. Các trường hợp bất quy tắc:

Adjective	Comparative	Superlative
Good	Better than	The best
Bad	Worse than	The worst
Little	Less than	The least
Far	Farther than	The farthest
	Further than	The furthest

Viết lại câu không đổi nghĩa:

1. The blue dress is cheaper than the red one.

=> The red dress is more expensive than the blue one.

2. My book is more interesting than your book.

=>

3. Your stereo is better than mine.

=>

***Word form:**

1. luck (n): sự may mắn

=> lucky # unlucky (a): may mắn

=> luckily # unluckily (adv): không may mắn

2. person (n): người

=> personal (a): cá nhân

3. amaze (v): gây ngạc nhiên

=> amazing (a): ngạc nhiên

4. inform (v): cho biết

=> information (n): thông tin

5. relate (v): liên hệ

=> relative (n): họ hàng

6. farm (n): nông trại

=> farmer (n): nông dân

7. teach (v): dạy

=> teacher (n): giáo viên

8. work (v): làm việc

=> worker (n): công nhân

9. paint (v): vẽ, sơn

=> painter (n): thợ sơn

10. happy # unhappy (a): vui # ko vui vẻ

=> happily # unhappily (adv): 1 cách vui vẻ # 1 cách ko vui vẻ

Exercise for unit 2

I. Chọn đáp án đúng

1.I speak to Mr Brown? Hold on a minute, please.(Should/ Shall/ Can/ Were)
2. Her birthday isFriday, August 20th. (at/ on/ in/ by)
3.you have a test tomorrow morning? (Will/ Do/ Are/ Shall)
4.will we meet? In front of the school gate. (Where/ When/ What/ How)
5. What is your.....? (birth of day/ day of birth/ date of birth/ birth of date)
6. She always comes to class on time. She is never.....for classes. (late/ early/ free/ nervous)
7. The party will.....about three hours. (start/ last/ finish/ invite)
8. Would you like a cup of tea?... (Yes, please/ I like, too/ Yes, I will/ You're welcome)

II. Chia động từ:

1. We often (play).....tennis in the afternoon.
2. (you be).....free next Sunday? No. I (do).....my homework.
3. Phong (be).....on the phone now. He (talk).....to Tam.
4. Mike (not come).....to our party tonight.
5. We (have).....a test tomorrow morning.
6. She (not call).....her parents every day. She (call).....them every week.
7. Would you like (see).....a movie?
8. Let's (meet).....in front of the movie theater.

III. Đổi sang phủ định, nghi vấn:

1. My mother will go to the supermarket next Sunday.
(-)
(?)
2. They will meet in front of the theater.
(-)
(?)
3. We will come there on time.
(-)
(?)
4. He will see her tonight.
(-)
(?)
5. Jane will be busy tomorrow morning.
(-)
(?)
6. I will come back soon.
(-)
(?)
7. Mai plays badminton afterschool.
(-)
(?)

8. She is out at the moment.

(-)

(?)

9. We often have a picnic on weekends.

(-)

(?)

10. The students are sitting in class.

(-)

(?)

IV. Điền giới từ vào chỗ trống (in, on, at, from...to)

1. They often go swimmingSunday.

2. The meeting will last9am3 pm

3. She will be 13her next birthday.

4. We are playing chessthe moment.

5. It's often rainJuly.

6. The party will startseven o'clock.....the evening.

7. My birthday isSeptember 3rd.

8. He was bornApril 2002.

9. They often watch TV night

10. We usually go out for dinnerSaturday evening.

V. Đặt câu hỏi:

1. My name's Trung. =>

2. I'm thirteen. =>

3. My date of birth is on July 6th.

=>

4. My address is 263/2 Tran Phu street.

=>

5. It's 38950963.

=>

6. It's about 500m from my house to school.

=>


7. I walk to school.

=>

8. I live with my parents.

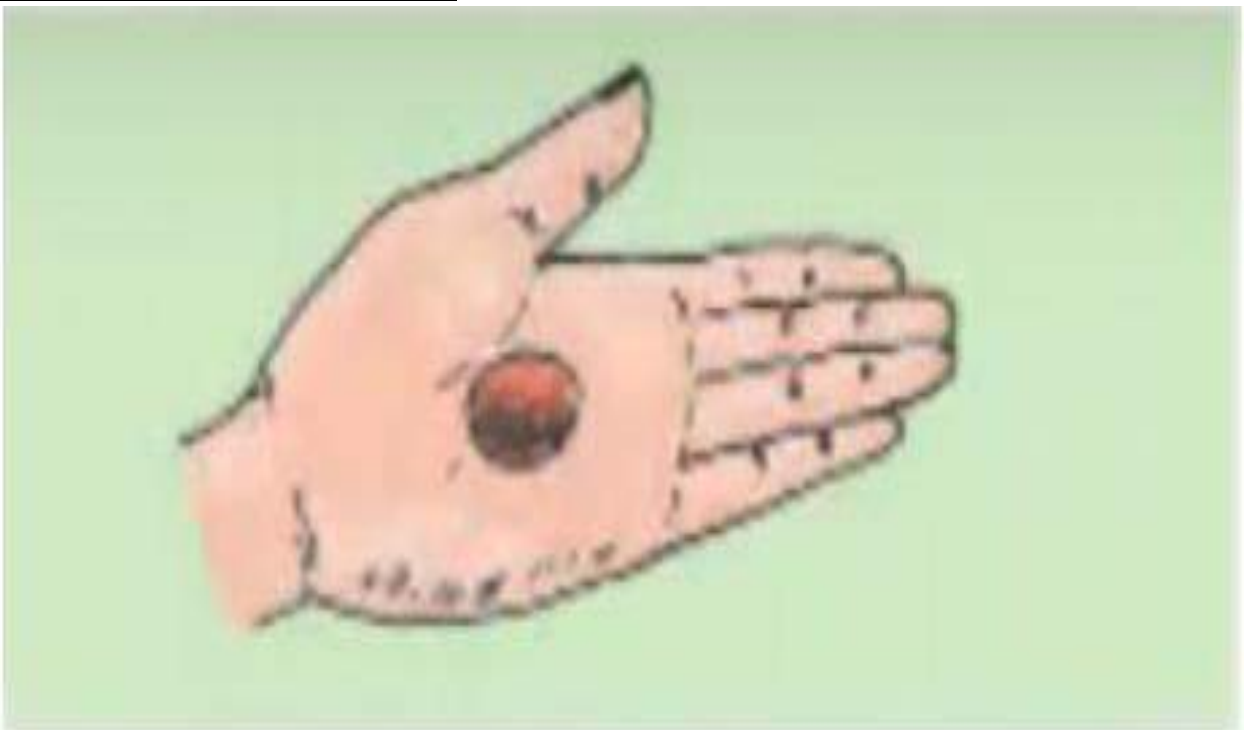
=>

**XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT
BẰNG PHƯƠNG PHÁP VÊ TAY
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT BẰNG TAY
Khối lớp	Khối lớp 7
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p><u>I. VẬT LIỆU DUNG:</u></p> <p>Số lượng mẫu đất: 3 mẫu đất.</p> <ul style="list-style-type: none">- Lượng mỗi mẫu đất: bằng quả trứng gà.- Yêu cầu đối với mẫu đất: khô (hơi ẩm), sạch cỏ, rác, gạch, đá, ... đất hoặc đựng trong túi nilong hoặc mẫu đất số..., ngày lấy..., người lấy..., nơi lấy...,- Dụng cụ: 1 lọ con đựng nước và 1 ống hút lấy nước, thước đo. 



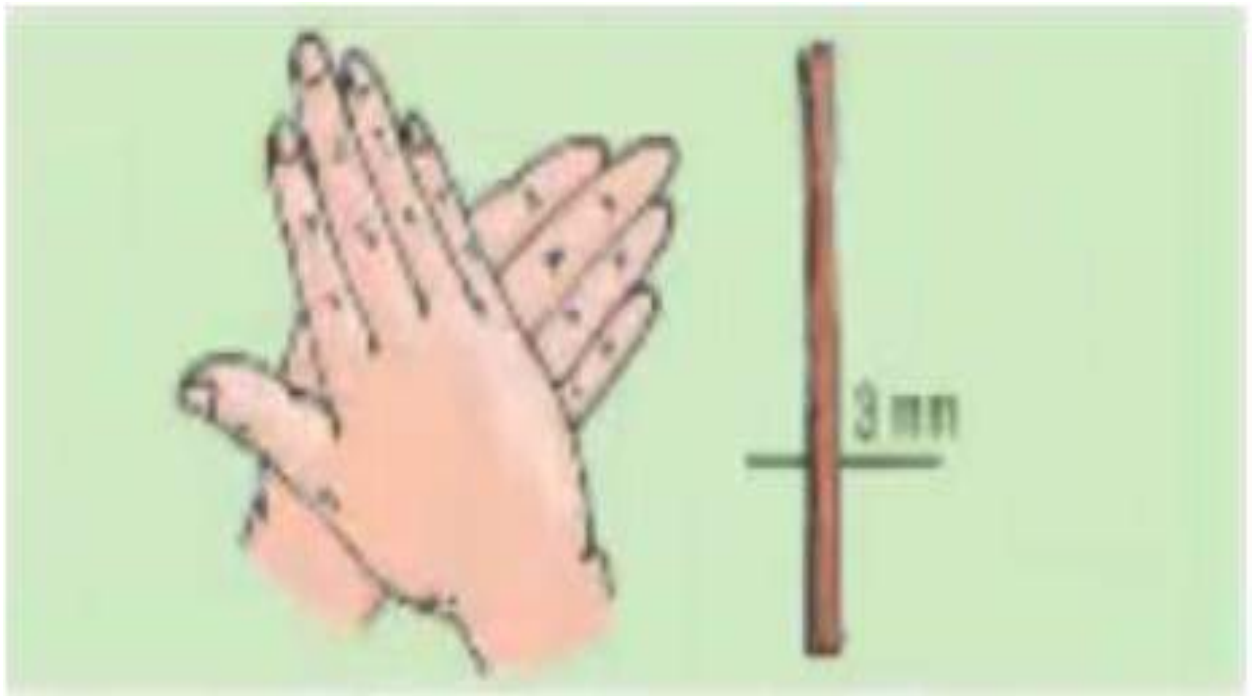
II. QUY TRÌNH THỰC HÀNH



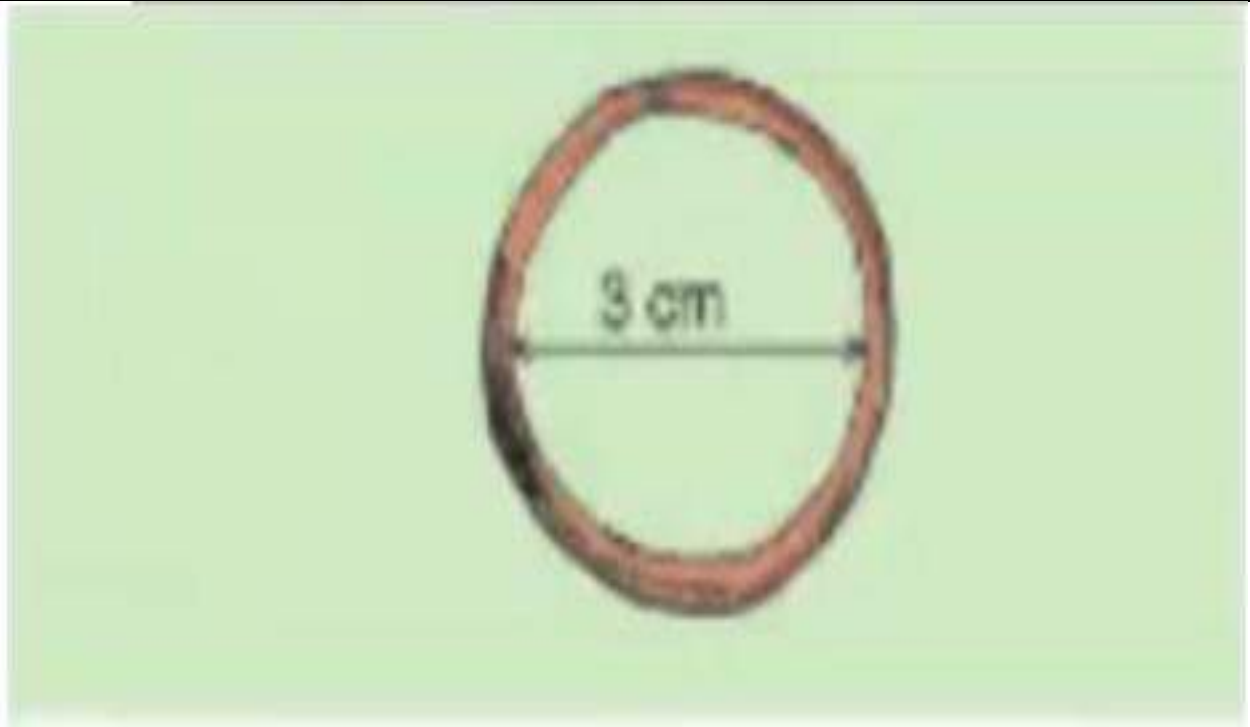
BƯỚC 1: Lấy một ít đất bằng viên bi cho vào lòng bàn tay



Bước 2: nhỏ vài giọt nước cho đủ ẩm (khi cảm thấy mát tay, nặn thấy dẻo là được)



Bước 3: dùng 2 bàn tay vê đất thành thoi có đường kính khoảng 3mm



Bước 4: uốn thỏi đất thành vòng tròn có đường kính khoảng 3mm

Quan sát bằng chuẩn phân cấp đất bằng 1

Trạng thái đất sau khi vê (A)	Loại đất (B)
a. Không vê được.	
b. Vê được thành thỏi nhưng đứt đoạn.	- Đất cát .
c. Vê được thành thỏi nhưng khi uốn bị đứt đoạn.	- Đất thịt trung bình.
d. Vê được thành thỏi, khi uốn không có vết nứt.	- Đất cát pha.
e. Chỉ vê được thành viên rời rạc.	- Đất thịt nhẹ.
g. Vê được thành thỏi nhưng khi uốn có vết nứt.	- Đất thịt nặng.
	- Đất sét.

**Hoạt
động
2:**

Câu 1: Đất nào giữ nước tốt?

A. Đất cát

B. Đất sét

Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

C. Đất thịt nặng

D. Đất thịt

Câu 2: Loại đất nào sau đây giữ nước và chất dinh dưỡng kém nhất?

A. Đất cát

B. Đất thịt nặng

C. Đất thịt nhẹ

D. Đất cát pha

Câu 3: Đất có khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng là vì sao?

A. Nhờ đất chứa nhiều mùn, sét


B. Nhờ đất chứa nhiều cát, limon, sét

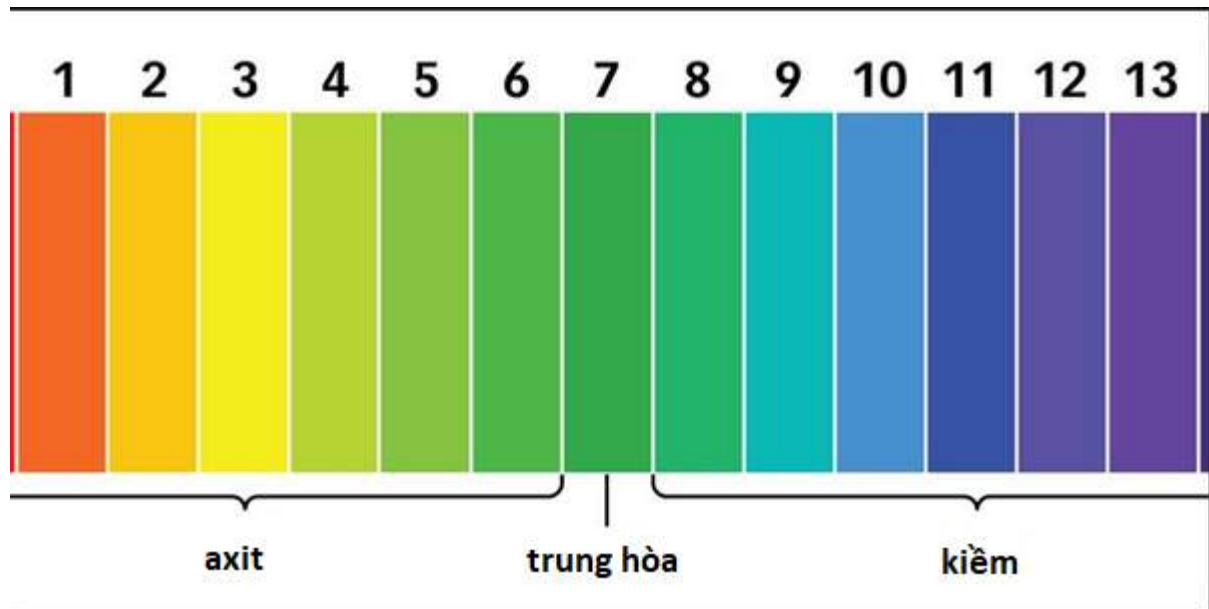
C. Nhờ các hạt cát, sét, limon và chất mùn

D. Tất cả ý trên

XÁC ĐỊNH ĐỘ PH CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP SO MÀU

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề:	XÁC ĐỊNH ĐỘ PH CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP SO MÀU
Khối lớp	Khối lớp 7
Hoạt động 1: <i>Học sinh đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p><u>I.VẬT LIỆU, DỤNG CỤ:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Số lượng mẫu đất: 2 mẫu đất ở ruộng, vườn hoặc chậu nhà em.- Lượng mỗi mẫu đất: bằng quả trứng gà.- Yêu cầu bảo quản và ghi hồ sơ của mẫu- Dụng cụ:<ul style="list-style-type: none">+ Một thìa nhỏ nhựa hoặc sứ trắng.+ Một thang màu pH chuẩn, một lọ chất chỉ thị màu tổng hợp 



II. QUY TRÌNH THỰC HÀNH:

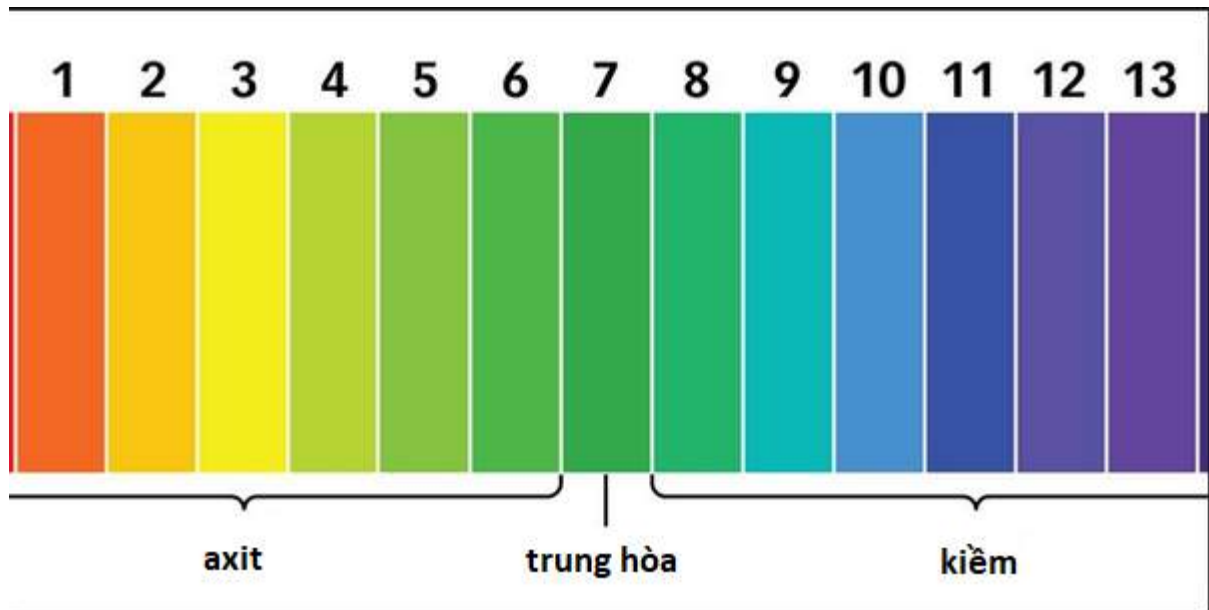
BƯỚC 1: Lấy một lượng đất bằng hạt ngô cho vào thìa



Bước 2:nhỏ từ từ chất chỉ thị màu tổng hợp vào mẫu đất cho đến khi dư thừa 1 giọt



Bước 3: Sau 1 phút nghiêng thìa cho chất chỉ thị màu chảy ra và so màu với thang màu ph chuẩn. nếu trùng màu thì đất có độ ph tương đương với màu đó.



**Hoạt
động 2:**
*Kiểm
tra,
đánh
giá quá
trình tự
học.*

Câu 1: Đất nào là đất trung tính:

- A. $\text{pH} < 6.5$
- B. $\text{pH} > 6.5$
- C. $\text{pH} > 7.5$
- D. $\text{pH} = 6.6 - 7.5$

Câu 2: Đất kiềm là đất có pH là bao nhiêu?

- A. $\text{pH} < 6,5$
- B. $\text{pH} = 6,6 - 7,5$
- C. $\text{pH} > 7,5$
- D. $\text{pH} = 7,5$

Câu 3: Đất chua là đất có PH là bao nhiêu?

- A. $\text{pH} < 6.5$
- B. $\text{pH} > 6.5$
- C. $\text{pH} > 7.5$
- D. $\text{pH} = 6.6 - 7.5$

\

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
Trường THCS TRẦN QUỐC TUẤN
Tổ Ngữ văn

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với HS không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC KHỐI LỚP 7
TUẦN 4 (27/09- 02/10/2021)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề Khối lớp 7	Từ ghép Từ láy Quá trình tạo lập văn bản
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i> Đọc và thực hiện yêu cầu câu 1, 2 SGK/13,14	Tiếng Việt- TỪ GHÉP I. CÁC LOẠI TỪ GHÉP 1. Ví dụ 1,2 SGK/ 13,14 - Bà ngoại: + bà -> tiếng chính + ngoại -> tiếng phụ -Thơm phức:+ thơm -> tiếng chính + phức -> tiếng phụ ->Tiếng chính đứng trước tiếng phụ đứng sau => Từ ghép chính phụ - Quần áo, trầm bông -> Không phân ra tiếng chính, tiếng phụ, bình đẳng về mặt ngữ pháp => Từ ghép đẳng lập ➔ Ghi nhớ 1 SGK / 14
Đọc ghi nhớ SGK/36	
Đọc và thực hiện yêu cầu câu 1,2 SGK/ 14	II. NGHĨA CỦA TỪ GHÉP *Nhận xét: a. Từ ghép chính phụ - Bà: Người phụ nữ sinh ra mẹ hoặc cha - Bà ngoại: Người phụ nữ sinh ra mẹ

<p>Độc ghi nhớ SGK/14</p>	<p>-> Hẹp hơn nghĩa của tiếng chính, có tính chất phân nghĩa</p> <p>b. Từ ghép đẳng lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo: chỉ trang phục nói chung - Trầm bổng: âm thanh lúc thấp, lúc cao nghe rất êm tai <p>-> Khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó, có tính chất hợp nghĩa</p> <p>➔ Ghi nhớ 2 SGK/14</p>
<p>Độc và thực hiện yêu cầu câu 1,2,3 SGK/41,42</p>	<p style="text-align: center;">Tiếng Việt – TỪ LÁY</p> <p>I. CÁC LOẠI TỪ LÁY</p> <p>Xét VD SGK/41</p> <p>a. - Đăm đăm.</p> <p>→ Các tiếng lặp lại hoàn toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bần bật, thăm thẳm. <p>→ Biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm cuối, hài hòa về âm thanh.</p> <p>⇒ <i>Từ láy toàn bộ</i></p> <p>b. Mếu máo, liêu xiêu.</p> <p>→ Giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần .</p> <p>⇒ <i>Từ láy bộ phận:</i></p> <p>➔ Ghi nhớ 1 SGK/ 42</p>
<p>Độc ghi nhớ 1 SGK/42</p> <p>Độc và thực hiện yêu cầu câu 1,2,3 SGK/42</p>	<p>II. NGHĨA CỦA TỪ LÁY</p> <p>Xét VD 1,2,3 SGK/42</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu <p>-> Mô phỏng âm thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí nhí, li ti, ti hí <p>-> Mô tả sự nhỏ bé</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhấp nhô, phập phồng, bập bênh

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Làm BT 1,2,3,4 SGK/15 Làm BT 1,2,3,4,5 SGK/43 Làm BT 1,2,3 SGK/46,47
--	--

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ Văn	Tiếng Việt : Từ ghép	1. 2. 3.
	Tiếng Việt : Từ láy	1. 2. 3.
	Tập làm văn: Quá trình tạo lập văn bản	1. 2. 3.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
Trường THCS TRẦN QUỐC TUẤN
Tổ Ngữ văn

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với HS không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC KHỐI LỚP 7
TUẦN 5 (04/10 - 09/10/2021)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề Khối lớp 7	Luyện tập tạo lập văn bản Đại từ Quan hệ từ Chữa lỗi về quan hệ từ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i> Đọc phần I.1,2 SGK/ 59	<p style="text-align: center;">Tập làm văn: LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN</p> <p>I. <u>TÌM HIỂU CHUNG</u></p> <p>1. <u>Cho tình huống :</u> Đề: (...) “Thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình”.</p> <p>2. <u>Thực hành tạo lập văn bản:</u></p> <p>* <u>Lập dàn bài:</u></p> <p>- Phần đầu thư:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Địa điểm, ngày, tháng, năm viết thư+ Lời xưng hô+ Lí do viết thư <p>- Phần chính bức thư:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Hỏi thăm tình hình sức khỏe của bạn và gia đình+ Ca ngợi Tổ quốc của bạn+ Giới thiệu về đất nước mình: Con người Việt Nam, truyền thống lịch sử, đặc sắc văn hóa,

<p>Đọc bài tham khảo SGK/ 60,61</p> <p>Đọc ví dụ a,b,c,d và trả lời câu hỏi 1,2,3,4 SGK/ 54,55</p> <p>Đọc ghi nhớ SGK/55</p> <p>Đọc câu 1,2 SGK/ 55,56</p> <p>Đọc ghi nhớ 2 SGK/56</p>	<p>phong tục, danh lam thắng cảnh, cảnh sắc thiên nhiên...</p> <p>- Phần cuối thư:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lời chào, lời chúc sức khỏe + Mời bạn đến đất nước mình, + Mong tình bạn 2 nước ngày càng gắn bó sâu sắc . <p style="text-align: center;">Tiếng Việt - ĐẠI TỪ</p> <p>I. THẾ NÀO LÀ ĐẠI TỪ Xét Ví dụ SGK/</p> <p>a. <i>Nó (1)</i> -> Chỉ người (CN) b. <i>Nó (2)</i> -> Chỉ vật (P.ngữ) c. <i>Thế</i> -> Chỉ hoạt động (P.ngữ) d. <i>Ai</i> -> Dùng để hỏi (CN) -> Đại từ -> Vai trò ngữ pháp của đại từ: chủ ngữ, phụ ngữ, vị ngữ.</p> <p>➔ Ghi nhớ 1: SGK/ 55</p> <p>II. CÁC LOẠI ĐẠI TỪ</p> <p>1. Đại từ để trỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôi tao, tớ,... -> Trỏ người, sự vật - Bấy, bấy nhiêu -> Trỏ số lượng - Vậy, thế -> Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc <p>2. Đại từ dùng để hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ai -> Hỏi người - Gì -> Hỏi vật - Bao nhiêu, bấy nhiêu -> Hỏi số lượng - Sao, thế nào -> Hỏi hoạt động, tính chất, sự việc <p>➔ Ghi nhớ 2 SGK/ 56</p>
---	---

**Đọc và thực hiện yêu cầu câu
1,2 SGK/96,97**

Đọc ghi nhớ 1 SGK/97

**Đọc và thực hiện yêu cầu câu
1,2 SGK/97**

Đọc ghi nhớ 2 SGK/98

**Đọc và thực hiện yêu cầu câu
1,2,3,4 SGK/106,107**

Tiếng Việt – QUAN HỆ TỪ
I. THỂ NÀO LÀ QUAN HỆ TỪ
Xét Ví dụ 1 SGK/ 96

- a. Của: quan hệ sở hữu
 - b. Như: quan hệ so sánh
 - c. Bởi... nên: quan hệ nhân quả.
- Biểu thị ý nghĩa quan hệ
- Liên kết các từ ngữ với nhau
➔ **Ghi nhớ 1 SGK/ 97**

II. SỬ DỤNG QUAN HỆ TỪ

- a. Quyển sách đặt ở trên bàn.
-> không bắt buộc dùng quan hệ từ
 - b. Làm việc ở nhà
-> Bắt buộc dùng quan hệ từ
- Có một số quan hệ từ được dùng thành cặp:
Nếu ... thì ; Vì ...nên ; Tuy ... nhưng ; Kể ...thì ; Sở dĩ...là vì .

➔ **Ghi nhớ 2 SGK/98**

Tiếng Việt – CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ
I. CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VỀ QUAN HỆ TỪ

1. Thiếu quan hệ từ

*** Chữa lại:**

- *Đừng nên nhìn hình thức mà (để) đánh giá kẻ khác*
- *Câu tục ngữ này chỉ đúng với xã hội xưa, còn đối với xã hội ngày nay thì không đúng.*

2. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa

*** Chữa lại:**

- *Nhà em ở xa trường nhưng bao giờ em cũng đến trường đúng giờ.*
- *Chim sâu rất có ích cho nông dân vì nó diệt sâu phá hoại mùa màng.*

3. Thừa quan hệ từ

*** Chữa lại:**

<p>Đọc ghi nhớ SGK/107</p>	<p>- Câu ca dao “Công cha như núi Thái Sơn” ... con cái. - Hình thức ... giá trị nội dung. 4. Dùng quan hệ từ không có tác dụng liên kết * Chữa lại: - ... không những giỏi về môn toán, không những giỏi về môn văn mà còn giỏi nhiều môn khác. - Nó thích tâm sự với mẹ, không thích tâm sự với chị.</p> <p>→ Ghi nhớ SGK/ 107</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>Hoàn thành bài văn viết thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình Làm BT 1,2,3 SGK/56,57 Làm BT 1,2,3,4 SGK/98,99 Làm BT 1,2,3,4 SGK/107,108</p>

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ Văn	Tập làm văn: Quá trình tạo lập văn bản	1. 2. 3.
	Tiếng Việt : Đại từ	1. 2. 3.
	Tiếng Việt : Quan hệ từ	1. 2. 3.
	Tiếng Việt: Chữa lỗi về quan hệ từ	1. 2. 3.

TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN
TỔ LÝ-HOÁ-SINH-CÔNG NGHỆ

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN VẬT LÝ 7
TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 4: ĐỊNH LUẬT PHẢN XẠ ÁNH SÁNG
I. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Gương phẳng

- Gương phẳng là một phần của mặt phẳng, nhẵn, bóng, có thể soi hình của các vật.

- Hình của một vật quan sát được trong gương phẳng gọi là ảnh của vật tạo bởi gương phẳng.



2. Phản xạ ánh sáng

a) *Hiện tượng phản xạ ánh sáng*

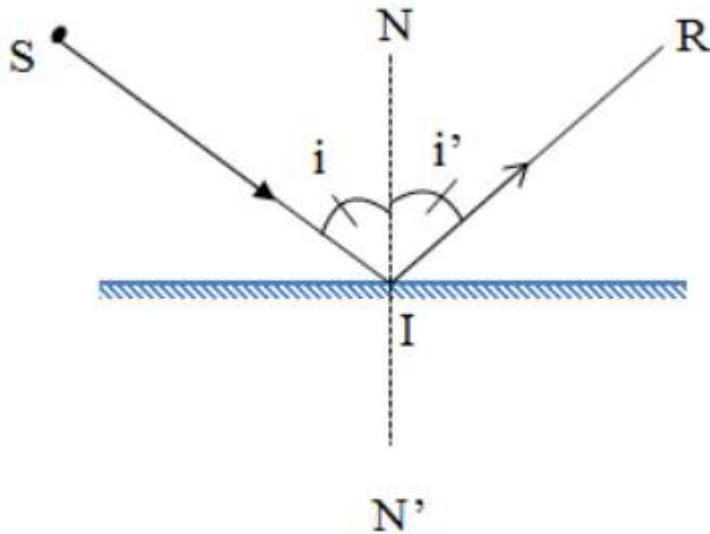
Hiện tượng phản xạ ánh sáng là hiện tượng ánh sáng bị hắt trở lại khi gặp một bề mặt nhẵn bóng.



b) Định luật phản xạ ánh sáng

Nội dung định luật:

- Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và đường pháp tuyến của gương tại điểm tới.



- Góc phản xạ bằng góc tới $i' = i$

I: Điểm tới

NN': Pháp tuyến

SI: Tia tới

IR: Tia phản xạ

$\widehat{SIN} = i$: Góc tới

$\widehat{NIR} = i'$: Góc phản xạ

II. PHƯƠNG PHÁP GIẢI

1. Cách vẽ tia tới, phản xạ và cách tính góc phản xạ, góc tới

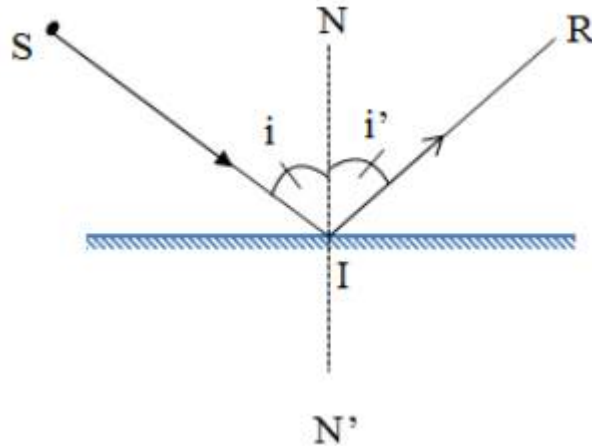
a) Cách vẽ tia phản xạ khi biết tia tới

Dựa vào định luật phản xạ ánh sáng, ta suy ra được tia phản xạ đối xứng với tia tới qua gương phẳng. Vì vậy để vẽ tia phản xạ khi biết tia tới ta thực hiện các bước như sau:

- Vẽ pháp tuyến NN' vuông góc với gương tại điểm tới I
- Lấy một điểm A bất kì trên tia tới SI
- Kẻ đoạn thẳng AA' vuông góc với pháp tuyến NN' tại H sao cho AH = HA'
- Vẽ tia IA'. Tia IA' chính là tia phản xạ cần vẽ.

- Xác định pháp tuyến NN': Vẽ đường phân giác NIN' của góc $i + i'$. NN' chính là pháp tuyến.

- Xác định vị trí đặt gương: Từ I kẻ đường thẳng vuông góc với pháp tuyến. Đường thẳng đó chính là vị trí để đặt gương phẳng

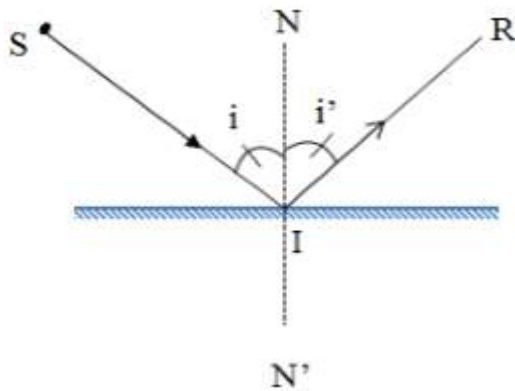


III. BÀI TẬP

Bài 1: Tia sáng tới gương phẳng hợp với tia phản xạ một góc 120^0 . Hỏi góc tới có giá trị là bao nhiêu?

- A. 90^0 B. 75^0 C. 60^0 D. 30^0

Hiển thị đáp án



- Góc hợp bởi tia tới hợp tia phản xạ là góc $\widehat{SIR} = \widehat{SIN} + \widehat{NIR} = i + i'$
- Theo đề bài, góc hợp bởi tia tới và tia phản xạ bằng 120^0 nên ta có:

$$\widehat{SIR} = i + i' = 120^0$$

- Theo định luật phản xạ ánh sáng, góc phản xạ bằng góc tới nên $i' = i$

$$\Rightarrow \widehat{SIR} = i + i' = 2i = 120^\circ$$

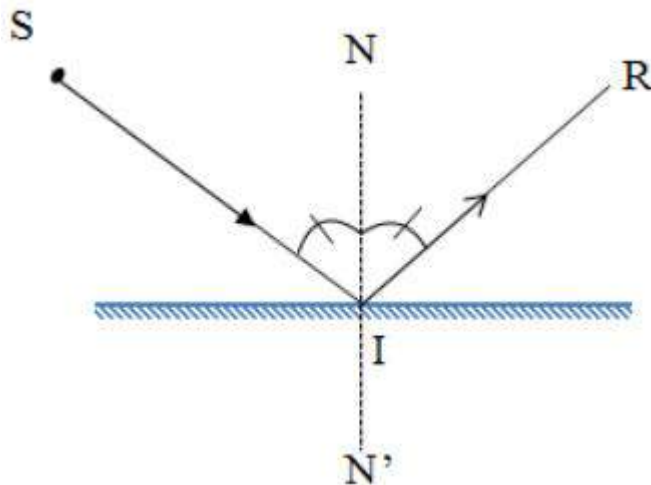
$$\Rightarrow i = 60^\circ \text{ hay } \widehat{SIR} = 60^\circ$$

Vậy đáp án đúng là C

Bài 2: Khi chiếu một tia sáng tới gương phẳng thì góc tạo bởi tia phản xạ và tia tới có tính chất:

- A. bằng hai lần góc tới B. bằng góc tới
C. bằng nửa góc tới D. Tất cả đều sai

Hiện thị đáp án



- Theo định luật phản xạ ánh sáng: Góc phản xạ bằng góc tới

$$\text{nên } \widehat{NIR} = \widehat{SIN}$$

- Góc tạo bởi tia phản xạ IR và tia tới SI là \widehat{SIR}

$$\text{Ta có: } \widehat{SIR} = \widehat{SIN} + \widehat{NIR} = \widehat{SIN} + \widehat{SIN} = 2\widehat{SIN}$$

Vậy góc tạo bởi tia phản xạ và góc tới bằng

hai lần góc tới \Rightarrow Đáp án A đúng

Bài 3: Khi tia tới vuông góc với mặt gương phẳng thì góc phản xạ có giá trị bằng:

- A. 90° B. 180° C. 0° D. 45°

Hiện thị đáp án

- Khi tia tới vuông góc với mặt gương thì tia tới trùng với pháp tuyến của gương nghĩa là góc tới bằng 0° .

- Theo định luật phản xạ ánh sáng: Góc phản xạ bằng góc tới.

Vì vậy góc phản xạ cũng bằng $0^\circ \Rightarrow$ Đáp án C đúng.

Bài 4: Chọn câu **đúng**?

A. Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và đường pháp tuyến với gương tại điểm tới.

B. Tia phản xạ, tia tới và đường pháp tuyến với gương tại điểm tới cùng nằm trong một mặt phẳng.

C. Mặt phẳng chứa tia tới và đường pháp tuyến với gương tại điểm tới cũng chứa tia phản xạ.

D. Cả A, B, C.

Hiện thị đáp án

Theo định luật phản xạ ánh sáng: Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và đường pháp tuyến với gương tại điểm tới nghĩa là tia phản xạ, tia tới và đường pháp tuyến cùng nằm trong một mặt phẳng \Rightarrow Đáp án A, B, C đều đúng \Rightarrow Chọn đáp án D.

Bài 5: Vật nào sau đây **không thể** xem là gương phẳng?

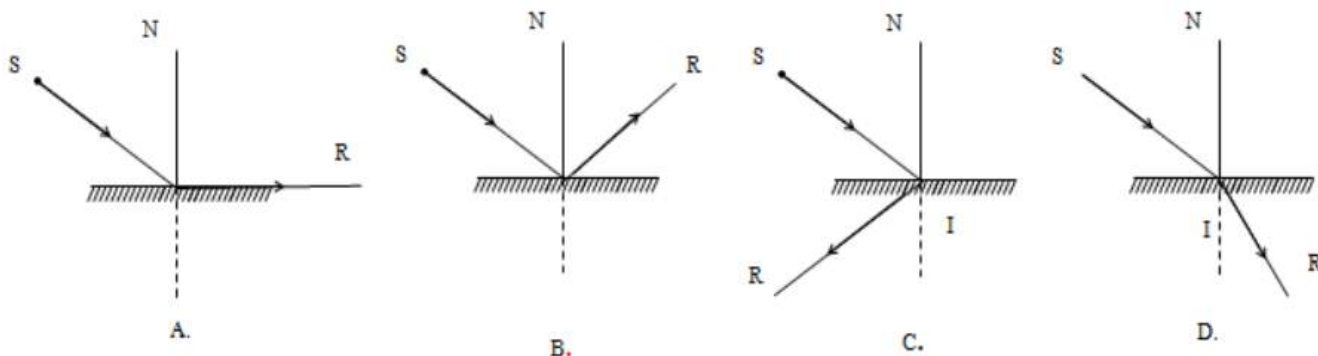
- A. Màn hình tivi B. Mặt hồ nước trong
C. Mặt tờ giấy trắng D. Miếng thủy tinh không tráng bạc nitrat

Hiện thị đáp án

Gương phẳng là một phần của mặt phẳng, nhẵn bóng, có thể soi hình của các vật.

Vì vậy màn hình tivi, mặt hồ nước trong, miếng thủy tinh không tráng bạc có thể xem là gương phẳng vì đều có đặc điểm là mặt phẳng, nhẵn bóng có thể soi hình. Còn mặt tờ giấy trắng phẳng nhưng không thể soi hình \Rightarrow Đáp án C đúng.

Bài 6: Trong các hình vẽ sau, tia phản xạ IR ở hình vẽ nào đúng?



Hiện thị đáp án

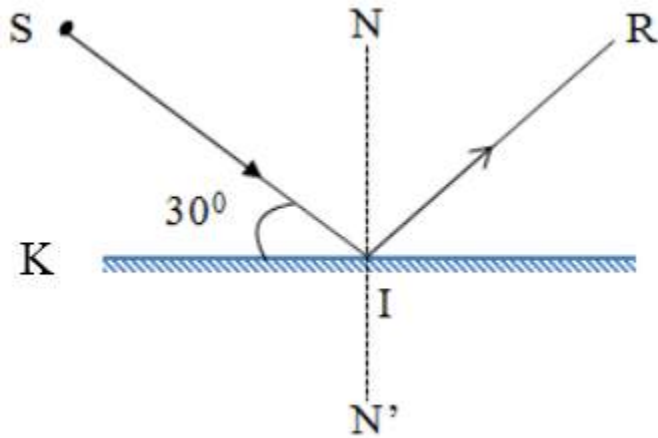
- Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và đường pháp tuyến của gương tại điểm tới nên đáp án C và D sai.

- Góc phản xạ bằng góc tới nên đáp án A sai, đáp án B đúng.

Bài 7: Một tia sáng chiếu tới gương phẳng và hợp với mặt gương một góc 30° . Góc phản xạ bằng:

- A. 30° B. 45° C. 60° D. 15°

Hiện thị đáp án



- Tia tới hợp với mặt gương một góc 30° nghĩa là $\widehat{SIK} = 30^\circ$.

- Pháp tuyến IN vuông góc với mặt gương nên $\widehat{NIK} = 90^\circ$

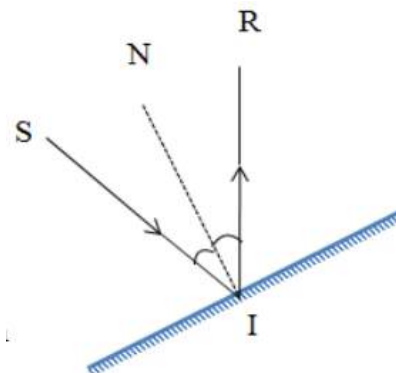
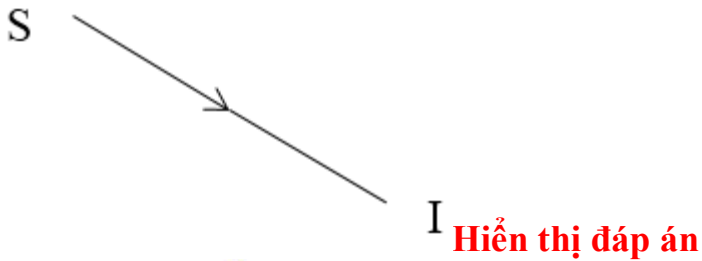
- Ta có: $\Rightarrow \widehat{SIN} = 90^\circ - 30^\circ = 60^\circ$

- Theo định luật phản xạ ánh sáng: Góc phản xạ bằng góc tới

Nên $\widehat{NIR} = \widehat{SIN} = 60^\circ$

Vậy đáp án đúng là C.

Bài 8: Cho tia sáng SI có phương chiều như hình vẽ. Hãy tìm cách đặt gương phẳng để thu được tia phản xạ có hướng thẳng đứng từ dưới lên.

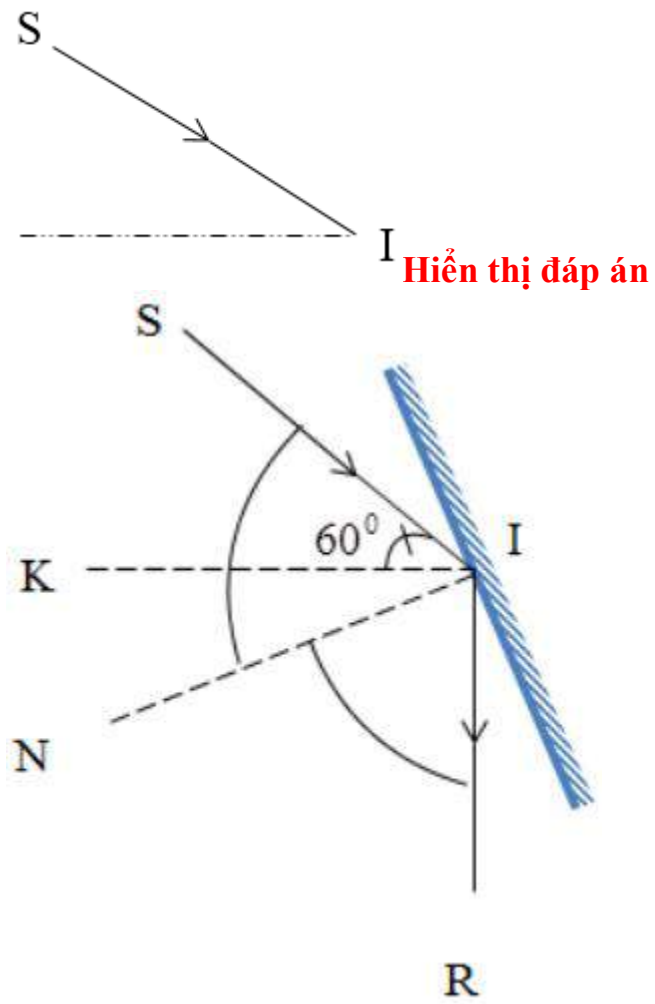


- Vẽ tia phản xạ IR tại điểm tới I sao cho IR có phương thẳng đứng, chiều hướng từ dưới lên.

- Từ I vẽ tia phân giác IN của góc SIR. Tia phân giác IN chính là đường pháp tuyến của gương tại điểm tới I.
- Từ I vẽ một đường thẳng vuông góc với IN. Đường thẳng đó chính là vị trí đặt gương.

Bài 9: Chiếu một tia sáng SI hợp với phương nằm ngang một góc 60° như hình vẽ. Tia phản xạ IR nằm thẳng đứng có chiều truyền từ trên xuống dưới.

- Vẽ tia phản xạ và xác định vị trí đặt gương.
- Tính góc hợp bởi tia phản xạ và tia tới.
- Tính góc phản xạ và góc tới.



- Từ I ta vẽ tia phản xạ IR có phương thẳng đứng, chiều hướng từ trên xuống dưới.
 - Từ I vẽ phân giác IN của góc SIR. Tia phân giác IN đồng thời chính là đường pháp tuyến của gương tại điểm tới I.
 - Từ I vẽ một đường thẳng vuông góc với IN. Đường thẳng đó chính là vị trí đặt gương.
- Góc hợp bởi tia phản xạ và tia tới là góc SIR.

- Vì tia phản xạ IR nằm thẳng đứng nên vuông góc với mặt nằm ngang IK
 $\Rightarrow \widehat{KIR} = 90^0$

- Tia sáng SI hợp với phương nằm ngang một góc 60^0 tức là $\widehat{KIS} = 60^0$

$$\text{Mà } \widehat{SIR} = \widehat{KIR} + \widehat{KIS} = 90^0 + 60^0 = 150^0 \quad (1)$$

Vậy góc hợp bởi tia phản xạ và tia tới bằng 150^0

c) Theo định luật phản xạ ánh sáng: Góc phản xạ bằng góc tới nên $\widehat{NIR} = \widehat{SIN}$
(2)

$$\text{Mà } \widehat{SIN} + \widehat{NIR} = \widehat{SIR} \quad (3)$$

$$\widehat{NIR} = \widehat{SIN} = \frac{\widehat{SIR}}{2} = \frac{150^0}{2} = 75^0$$

Từ (1) (2) và (3) suy ra

Vậy góc tới bằng 75^0 , góc phản xạ bằng 75^0

HẾT

GV hướng dẫn : HUỖNH THỊ KIM TRÚC

SĐT :0909095944

MAIL: truchuyन्हthikim@yahoo.com

TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN
TỔ LÝ-HOÁ-SINH-CÔNG NGHỆ

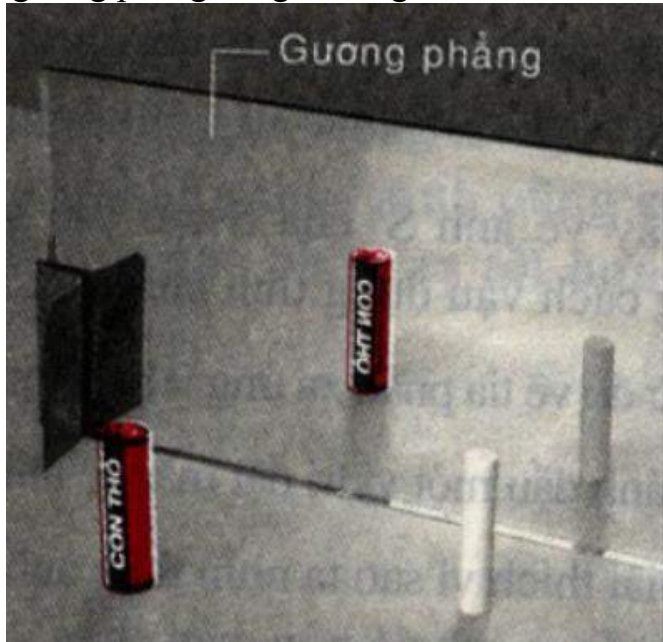
HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN VẬT LÝ 7
TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 5: ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG PHẪNG
I. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Đặc điểm ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng

Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng có đặc điểm:

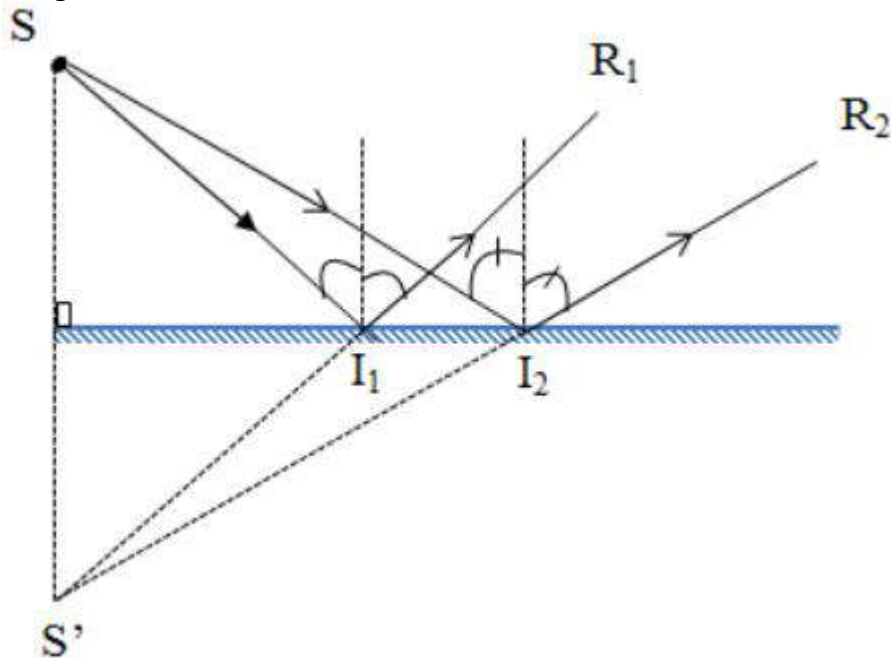
- Là ảnh ảo (không hứng được trên màn chắn).
- Có kích thước lớn bằng vật.
- Đối xứng với vật qua gương phẳng (tức là khoảng cách từ một điểm của vật đến gương phẳng bằng khoảng cách từ ảnh của điểm đó đến gương).



2. Lưu ý

- Ảnh của vật là tập hợp ảnh của tất cả các điểm trên vật.

- Các tia sáng từ điểm sáng S tới gương phẳng cho tia phản xạ có đường kéo dài đi qua ảnh ảo S'.



II. PHƯƠNG PHÁP GIẢI

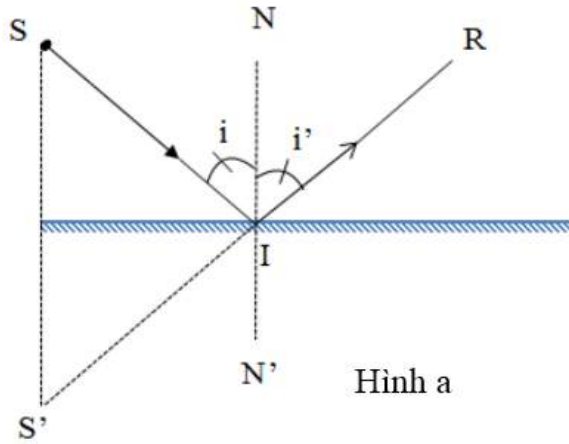
Cách vẽ ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng

* Muốn vẽ ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng ta vẽ ảnh của các điểm đặc biệt trên ảnh sau đó nối các điểm ảnh cho ta ảnh của vật.

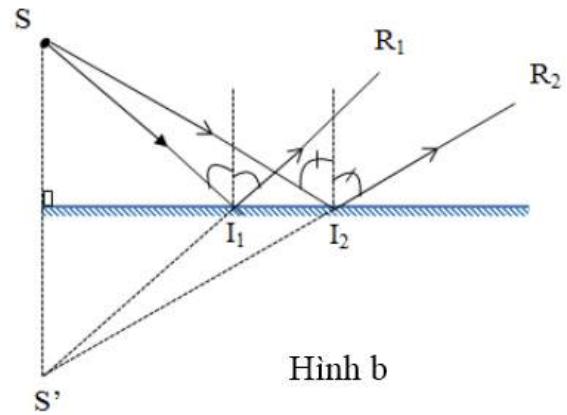
* Muốn vẽ ảnh của một điểm ta dựa vào:

- Định luật phản xạ ánh sáng.
- Các tia sáng từ điểm sáng S tới gương phẳng cho tia phản xạ có đường kéo dài đi qua ảnh ảo S'.

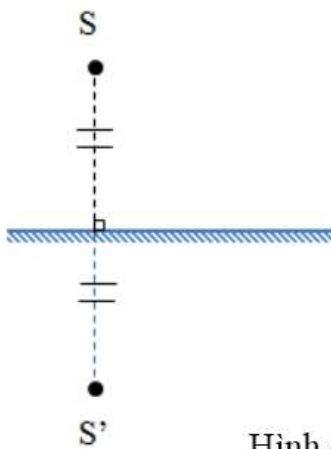
Cách vẽ:



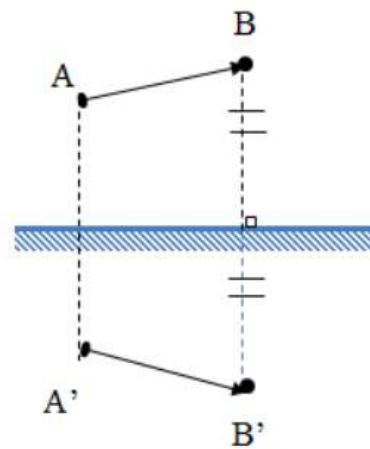
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

- Từ một điểm S ta vẽ hai tia tới mặt phẳng gương.
- Vẽ hai tia phản xạ tương ứng.

- Giao nhau của phần kéo dài hai tia phản xạ chính là ảnh S' của S (hình a).

Lưu ý: Nên chọn một tia tới đặc biệt là tia vuông góc với mặt phẳng gương cho tia phản xạ bật trở lại (hình b)

* Tính chất ảnh của vật qua gương phẳng

Cách vẽ: Chỉ cần lấy điểm đối xứng

- Ảnh S' của S qua gương phẳng (hình c).
- Ảnh A'B' của vật AB qua gương phẳng (hình d).

III. BÀI TẬP

Bài 1: Chọn phát biểu **đúng**?

- A. Ảnh của một vật qua gương phẳng luôn luôn nhỏ hơn vật.
- B. Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng có thể lớn hơn vật tùy thuộc vào vị trí đặt vật trước gương.
- C. Nếu đặt màn ở một vị trí thích hợp, vật ở trước gương, ta có thể hứng được ảnh của vật tạo bởi gương phẳng.

D. Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng luôn có kích thước bằng vật.

Hiện thị đáp án

- Ảnh tạo bởi gương phẳng không hứng được trên màn chắn \Rightarrow Đáp án C sai.
- Ảnh tạo bởi gương phẳng lớn bằng vật \Rightarrow Đáp án A, B sai. Đáp án D đúng.

Bài 2: Một người cao 1,6m đứng trước gương phẳng, cho ảnh cách gương 1,5m. Hỏi người đó cách gương bao nhiêu?

- A. 3m B. 3,2m C. 1,5m D. 1,6m

Hiện thị đáp án

Ảnh và vật đối xứng nhau qua gương phẳng nên khoảng cách từ vật đến gương bằng khoảng cách từ ảnh đến gương. Vì vậy một người đứng trước gương phẳng cho ảnh cách gương 1,5m thì người đó cũng cách gương 1,5m

Vậy đáp án đúng là C.

Bài 3: Khi nào ta có thể nhìn thấy ảnh S' của một điểm sáng S đặt trước gương phẳng?

- A. Khi ảnh S' ở phía trước mắt ta.
- B. Khi S' là nguồn sáng
- C. Khi giữa mắt và ảnh S' không có vật chắn sáng.
- D. Khi mắt nhận được tia phản xạ của các tia tới xuất phát từ điểm sáng S.

Hiện thị đáp án

- Để nhìn được vật thì tia sáng từ vật phát ra phải đi đến mắt người.
- Để nhìn được ảnh của vật qua gương, mắt phải nhận được tia phản xạ của các tia tới xuất phát từ điểm sáng S.

\Rightarrow Đáp án đúng là D.

Bài 4: Vì sao ta đặt màn hứng ảnh tại vị trí ảnh ảo S' của điểm sáng S do gương phẳng tạo ra mà không hứng được ảnh trên màn?

- A. Vì ảnh ảo là nguồn sáng.
- B. Vì chùm tia phản xạ là chùm phân kì không hội tụ trên màn.
- C. Vì ảnh ảo là vật sáng.
- D. Vì khoảng cách từ ảnh đến gương bằng khoảng cách từ vật đến gương.

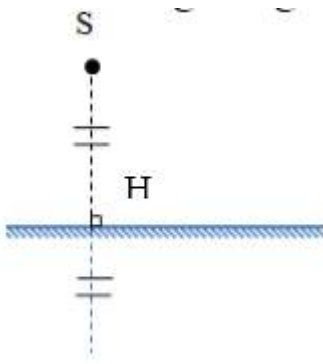
Hiện thị đáp án

Ảnh ảo S' của điểm sáng S do gương phẳng tạo ra là giao điểm của đường kéo dài của các tia sáng phản xạ trên gương. Vì thế khi ta đặt màn hứng ảnh tại vị trí ảnh ảo S' của điểm sáng S thì sẽ không hứng được ảnh trên màn \Rightarrow Đáp án đúng là B.

Bài 5: Cho điểm sáng S trước gương phẳng cách ảnh S' của nó qua gương một khoảng 54cm. Ảnh S' của S tạo bởi gương phẳng nằm cách gương một khoảng:

- A. 54cm B. 45cm C. 27cm D. 37cm

Hiện thị đáp án



- S và S' đối xứng nhau qua gương phẳng nên khoảng cách từ S đến gương bằng khoảng cách từ S' đến gương hay $SH = S'H$ (1)

- Theo đề bài S' cách S một khoảng là 54cm

Mà $SS' = 54 \text{ cm} = SH + S'H$ (2)

Từ (1) (2) $\Rightarrow SS' = S'H + S'H = 2.S'H = 54 \text{ cm}$

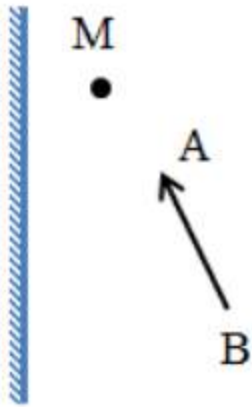
$\Rightarrow S'H = 54/2 = 27 \text{ cm}$

Vậy ảnh S' của S nằm cách gương một khoảng là 27 cm

Bài 6: Một vật sáng AB đặt trước một gương phẳng (hình vẽ).

a) Hãy vẽ ảnh của vật AB tạo bởi gương phẳng.

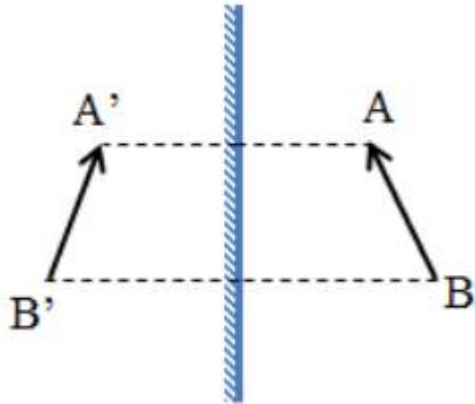
b) Đặt mắt tại điểm M nhìn vào gương, hãy vẽ tia sáng xuất phát từ A đến gương cho tia phản xạ lọt vào mắt.



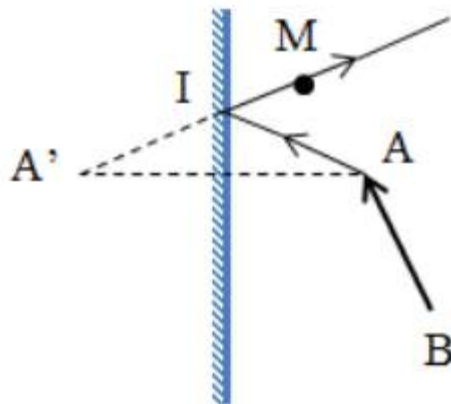
Hiện thị đáp án

a) Qua gương vẽ A' đối xứng với A, B' đối xứng với B.

Nối A' và B' ta xác định được ảnh A'B' của vật AB.

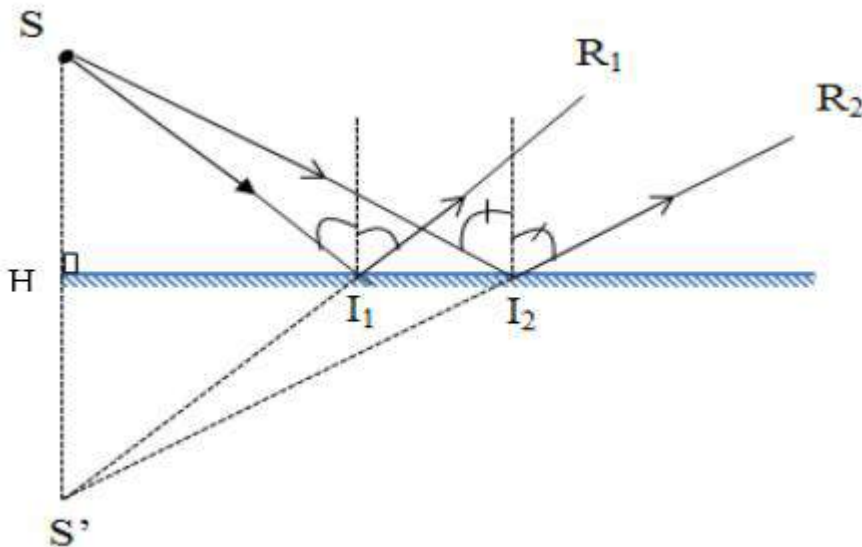


b) Nối A' với M, A'M cắt gương tại điểm tới I.
 Từ A vẽ tia tới AI và tia phản xạ MI.



Bài 7: Chiếu một tia sáng SI tới một gương phẳng. Nếu quay tia này xung quanh điểm S một góc α thì tia phản xạ quay một góc bằng bao nhiêu?

Hiện thị đáp án



- Tia SI quay xung quanh điểm S một góc α . Nghĩa là $\widehat{I_1SI_2} = \alpha$
- Do S' đối xứng với S qua gương nên:
SH = S'H

SS' vuông góc với gương $\Rightarrow \widehat{SHI_1} = \widehat{SHI_2} = \widehat{S'HI_1} = \widehat{S'HI_2} = 90^\circ$

- Xét ΔSHI_1 và $\Delta S'HI_1$ có:

$$\left\{ \begin{array}{l} SH = S'H \\ \widehat{SHI_1} = \widehat{S'HI_1} \Rightarrow \Delta SHI_1 = \Delta S'HI_1 (\text{c.g.c}) \Rightarrow SI_1 = S'I_1 \\ HI_1 \text{ chung} \end{array} \right.$$

- Xét ΔSHI_2 và $\Delta S'HI_2$ có:

$$\left\{ \begin{array}{l} SH = S'H \\ \widehat{SHI_2} = \widehat{S'HI_2} \Rightarrow \Delta SHI_2 = \Delta S'HI_2 (\text{c.g.c}) \Rightarrow SI_2 = S'I_2 \\ HI_2 \text{ chung} \end{array} \right.$$

- Xét ΔSI_1I_2 và $\Delta S'I_1I_2$ có:

$$\left\{ \begin{array}{l} I_1I_2 \text{ chung} \\ SI_1 = S'I_1 \Rightarrow \Delta SI_1I_2 = \Delta S'I_1I_2 (\text{c.c.c}) \\ SI_2 = S'I_2 \end{array} \right.$$

$$\Rightarrow \widehat{I_1SI_2} = \widehat{I_1S'I_2} = \alpha$$

Vậy tia phản xạ cũng quay một góc α

HẾT

GV hướng dẫn : HUỲNH THỊ KIM TRÚC

SĐT :0909095944

MAIL: truchuynhthikim@yahoo.com

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN MĨ THUẬT 7
(Tuần 3 và Tuần 4)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>CHỦ ĐỀ 2: NGHỆ THUẬT BẮT ĐẦU TỪ NHỮNG ĐIỀU BÌNH DỊ</p> <p>BÀI: Vẽ Theo mẫu: Ký họa và Ký họa ngoài trời</p>	
<p>Hoạt động 1: Kí họa.</p> <p>1. Thế nào là kí họa?</p> <p>- Kí họa là hình thức vẽ nhanh, ghi lại những nét chính, chủ yếu nhất của sự vật hiện tượng ngoài thiên nhiên hoặc những hoạt động của con người thông qua cảm xúc, nhận thức của người vẽ.</p> <p>2. Chất liệu kí họa?</p> <p>- Bút chì, bút dạ, bút sắt, than, phấn, mực nho, màu nước, màu bột...</p> <p>- Vỡ các chất liệu dùng để kí họa rất thông dụng, dễ sử dụng, vận chuyển và dễ bảo quản.</p>	
	

Hoạt động 2: Cách ký họa.

- Chọn hình dáng đẹp tiêu biểu.
- So sánh tỷ lệ các bộ phận.
- Vẽ nét bao quát, nét chính.
- Vẽ nét chi tiết.



+Chọn góc cảnh, dáng đẹp điển hình hợp lý để vẽ.

* Quan sát nhận xét hình dáng, đường nét và đặc điểm của đối tượng

* So sánh đối chiếu để ước lượng kích thước

* Vẽ dáng trước rồi mới vào vẽ chi tiết

- **Củng cố bài:** Có thể ký họa bằng nhiều chất liệu khác nhau, nội dung ký đa dạng (người, động vật, phong cảnh...vv) “dáng động hoặc dáng tĩnh”, thiên nhiên hoa lá.

❖ So sánh vẽ theo mẫu và ký họa

	Vẽ theo mẫu	Ký họa
○ Giống nhau	Mẫu có trong thiên nhiên, cuộc sống	Mẫu có trong thiên nhiên, cuộc sống
○ Khác nhau	Mang tính chất nghiêm cứu	Sinh động, lưu loát, thoáng đạt trong cách vẽ



Vẽ theo mẫu



Ký họa



Khi ký họa cần nhanh để nắm bắt được dáng nhân vật một cách sinh động nhất.



Hoạt động luyện tập, vận dụng:

+Bài tập.

- Ký họa một bức tranh phong cảnh

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN MĨ THUẬT 7
(Tuần 5 và Tuần 6)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>CHỦ ĐỀ 2: Nghệ thuật bắt đầu từ những điều bình dị Bài 4: <i>Vẽ trang trí</i> TẠO HỌA TIẾT TRANG TRÍ</p>	<p><u>TUẦN 5</u></p>
<p>Hoạt động 1: Quan sát, nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none">- Là những hình ảnh có thực trong tự nhiên: cỏ cây, hoa lá, con vật, sóng nước, mây trời, ...được kết hợp hài hoà trong bài vẽ.- Chim lạc, hoa cúc, hoa sen...)- Không.- Vì họa tiết đó được cách điệu, đơn giản hoá nhưng nó dựa trên cơ sở các đặc điểm của sự vật đó để cách điệu. Vẫn giữ được nét đặc trưng của sự vật đó.- Từ những mẫu ngoài thực tế, khi trở thành những họa tiết trang trí sẽ được đơn giản hoặc cách điệu cao hơn dựa trên những nét, màu sắc của các mẫu đó.- Việc làm đơn giản nét hoặc sáng tạo thêm nét cho hình ảnh được gọi là quá trình sáng tạo họa tiết.- Để làm cho họa tiết thêm sinh động, đẹp, phù hợp với mục đích trang trí.	
<p>Hoạt động 2: <u>Cách tạo họa tiết trang trí.</u></p> <ol style="list-style-type: none"><u>1. Lựa chọn nội dung họa tiết.</u><u>2. Quan sát mẫu thật.</u><u>3. Tạo họa tiết trang trí.</u><ol style="list-style-type: none"><u>a) Đơn giản:</u><ul style="list-style-type: none">- Là lược bỏ đi một số chi tiết không cần thiết nhằm tạo cho họa tiết gọn và đẹp hơn.<u>b) Cách điệu:</u><ul style="list-style-type: none">- Là thay đổi về hình dáng, cấu trúc nhằm tạo cho họa tiết đẹp hơn, mang tính nghệ	

thuật và phù hợp với mảng hình cần trang trí.
 cấu trúc nhằm tạo cho họa tiết đẹp hơn, mang tính nghệ thuật và phù hợp với mảng hình cần trang trí.

NỘI DUNG

CHỦ ĐỀ : Nghệ thuật bắt đầu từ những điều bình dị
BÀI 22: VẼ TRANG TRÍ
TRANG TRÍ ĐĨA TRÒN

GHI CHÚ
TUẦN 6

Hoạt động 1: Quan sát, nhận xét:

- Để đựng thức ăn, hoặc chỉ dùng để bày trang trí.
- Họa tiết hoa, lá, chim, thú...đó được cách điệu.
- Thường sử dụng cách sắp xếp nhắc lại, xen kẽ, đối xứng và mảng hình khụng đều.

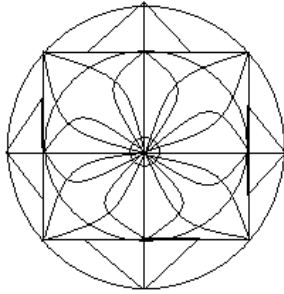


Hoạt động 2:

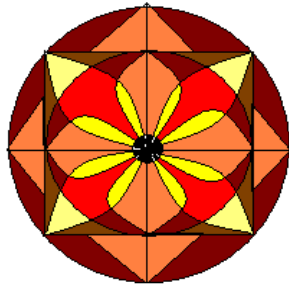
Cách trang trí:
 Gồm có 4 bước:

1.Kẻ trục 2.Tìm mảng hình





3. Vẽ họa tiết



4. Vẽ màu



Hoạt động 3: luyện tập, vận dụng:

- *Trang trí đĩa tròn.*
- *Đường kính 16 cm.*
- *Họa tiết tự chọn.*

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 7
TUẦN 3, 4 (20/9-2/10/2021)

BÀI THỂ DỤC VỚI CỜ

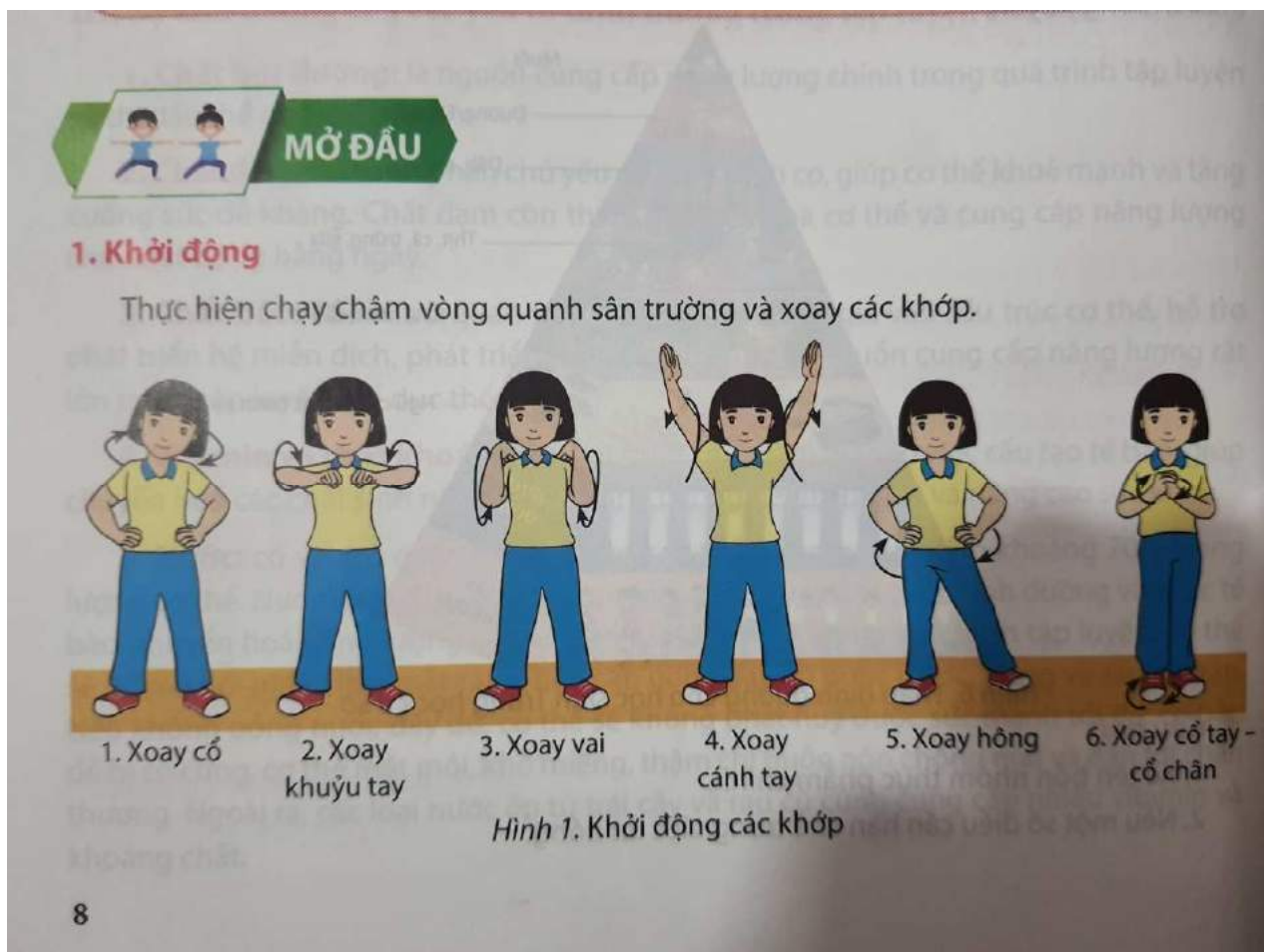
I. Mục tiêu

- Hướng dẫn học sinh ôn luyện 4 động tác (Vươn thở; Tay, chân, lườn) và học mới động tác bụng, phối hợp, thăng bằng, nhảy, điều hòa của bài thể dục với cờ, từ đó góp phần hình thành thành phần năng lực vận động cơ bản.
- Đảm bảo học sinh tự giác tích cực trong tập luyện (học sinh tự làm cờ để tập luyện bài thể dục).

II. Hoạt động mở đầu

Khởi động

Thực hiện xoay các khớp: xoay cổ; xoay khuỷu tay; xoay vai; xoay cánh tay; xoay hông; xoay cổ tay - cổ chân.



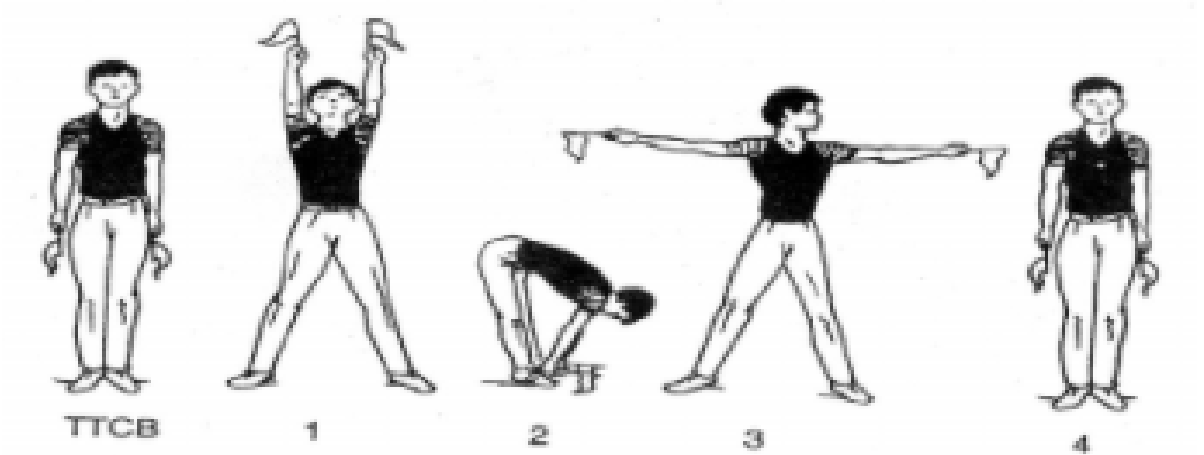
- Thực hiện động tác căng cơ: căng cơ tay vai trước, căng cơ tay vai sau...

III. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Ôn 4 động tác: Vươn thở; Tay; Chân; Lườn

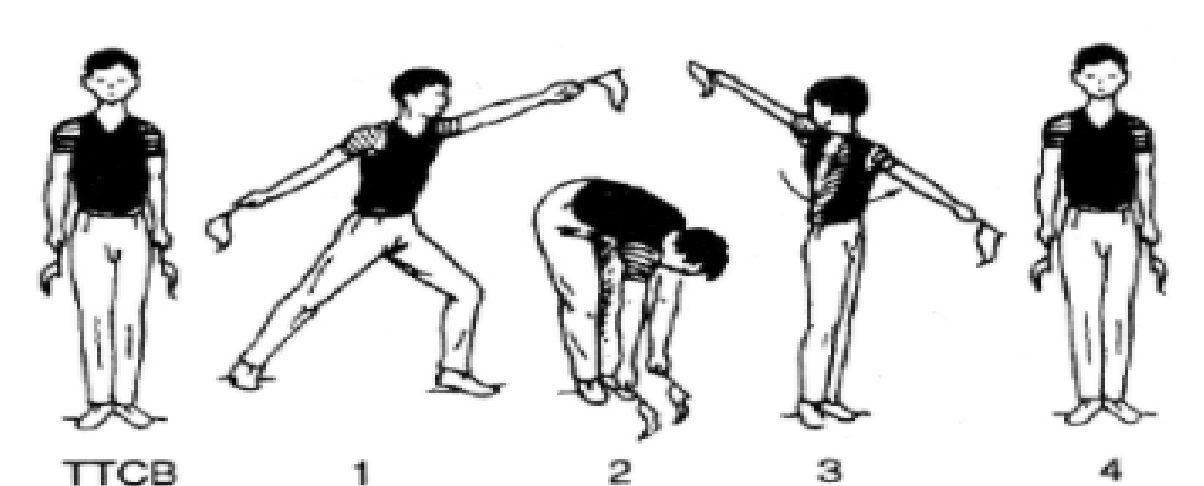
2. Học mới động tác bụng, phối hợp, thăng bằng, nhảy, điều hòa.

Động tác bụng



- Nhịp 1: Bước chân trái sang ngang rộng bằng vai, hai tay cầm cờ đưa ra trước lên cao, mặt ngửa hít vào bằng mũi.
- Nhịp 2 : Gập thân,hai tay chạm hai bàn chân,cờ hướng về trước song song mặt đất,mắt nhìn theo cờ , thở ra.
- Nhịp 3 : Nâng thân, hai tay dang ngang,cờ hướng sang hai bên, mắt nhìn theo cờ bên trái, hít vào.
- Nhịp 4 : Về TTCB thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8. Như nhịp 1,2,3,4.nhưng nhịp 5 bước chân trái sang ngang và nhịp 7 mắt nhìn cờ bên phải.

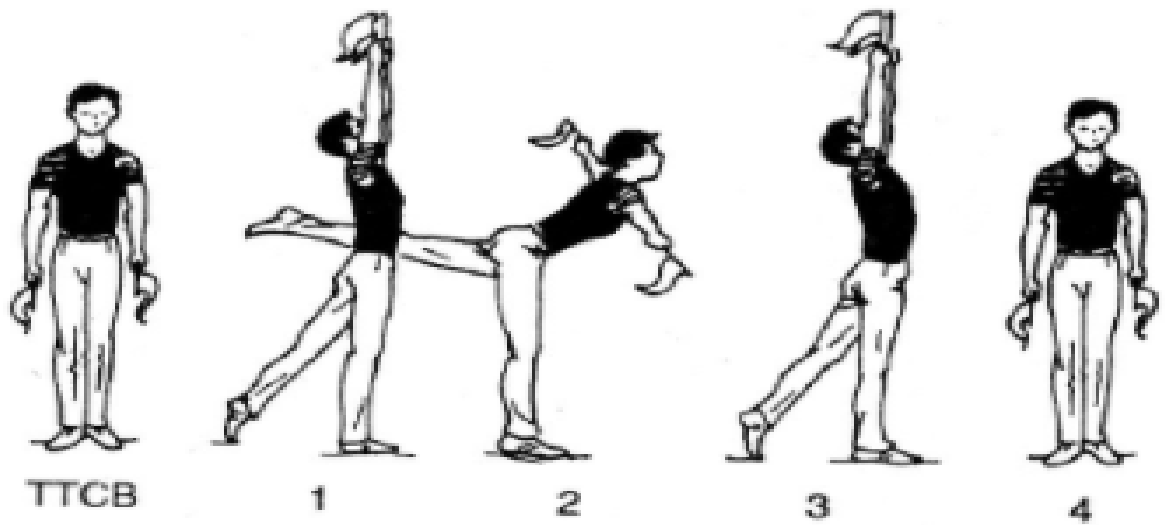
Động tác phối hợp



- Nhịp 1 : Bước chân trái ra trước chệch 45 độ,khụy gối, chân sau thẳng,tay trái đưa ra trước chệch lên cao,tay phải đưa ra sau chệch xuống dưới , trọng tâm dồn nhiều trước,cờ hướng theo chiều của hai tay, thân trên hơi ngả về trước, mắt nhìn theo cờ tay trái, hít vào.
- Nhịp 2 : Đưa chân trái về với chân phải,đồng thời gập thân hai tay hướng vào bàn chân, cờ hướng về trước song song mặt đất ,chân thẳng mắt nhìn theo cờ,thở ra.
- Nhịp 3 : Đứng thẳng người lên,vặn mình sang trái 90 độ hai tay dang ngang , cờ hướng theo chiều của hai bàn tay,mắt nhìn theo cờ tay trái, hít vào.
- Nhịp 4 : Về TTCB,thở ra.
- Nhịp 5,6,7,8 .Như nhịp 1,2,3,4.nhưng nhịp 5 bước chân phải về trước,nhịp 7 vặn mình sang phải,

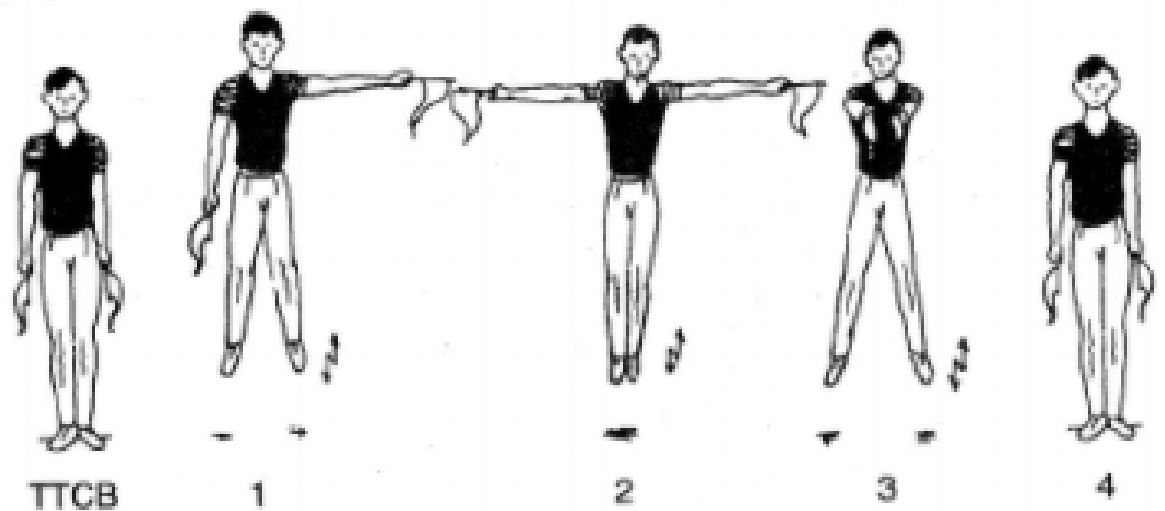
mắt nhìn cờ bên phải.

Động tác thăng bằng.



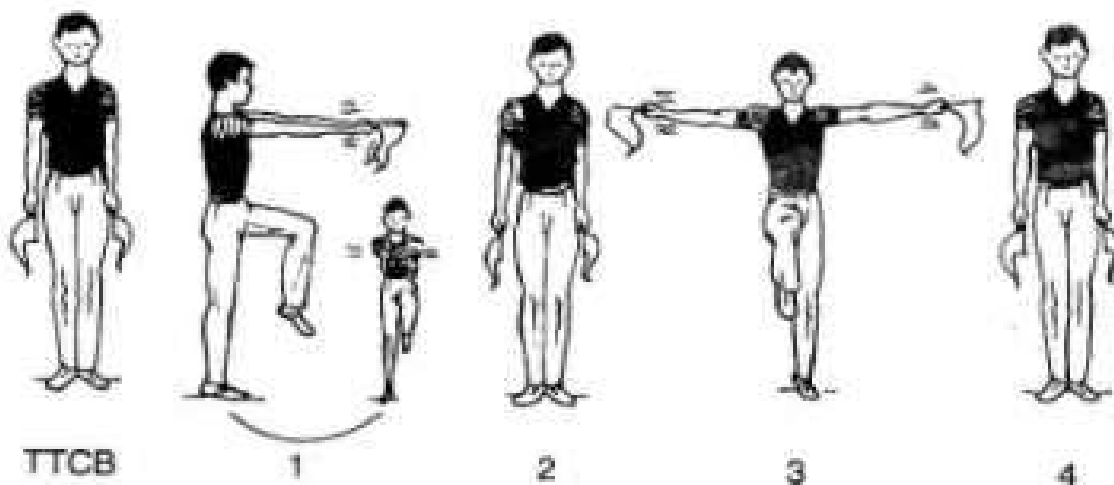
- Nhịp 1 : Đưa chân trái ra sau, mũi chân chạm đất, hai tay cầm cờ đưa lên cao, mắt nhìn theo cờ, trọng tâm dồn vào chân phải, hít vào.
- Nhịp 2 : Đưa chân trái lên cao ở phía sau, ngã thân trên về trước, ngực uốn, hai tay dang ngang, cờ hướng sang hai bên, hai chân thẳng, mặt hướng về trước giữ thăng bằng, thở ra.
- Nhịp 3 : Về với nhịp 1, hít vào.
- Nhịp 5,6,7,8. Như nhịp 1,2,3,4. Nhưng nhịp 5 đưa chân trái ra sau, nhịp 6 thăng bằng trên chân trái.
- Nhịp 4 : Về TTCB thở ra.

Động tác nhảy.



- Nhịp 1 : Bật nhảy người lên cao sau đó rơi xuống ở tư thế hai chân rộng bằng vai, tay trái đưa cờ sang ngang.
- Nhịp 2 : Bật nhảy người lên tư thế đứng thẳng, tay phải đưa cờ sang ngang thành tư thế hai cờ sang ngang, cờ hướng sang hai bên.
- Nhịp 3 : Bật nhảy như nhịp 1, đưa hai tay ra trước song song cao ngang vai, cờ hướng trước.
- Nhịp 4 : Bật nhảy về TTCB.
- Nhịp 5,6,7,8. Như nhịp 1,2,3,4, nhưng nhịp 5 đưa tay phải sang ngang, nhịp 6 tay trái đưa cờ sang ngang.

Động tác điều hòa.



Nhịp 1 : Nâng gôi chân trái lên cao một cách nhẹ nhàng, đồng thời hai tay đưa cò ra trước cao ngang vai và rung lắc cổ tay, hít vào

Nhịp 2 : Về TTCB thở ra.

Nhịp 3 : Nâng gôi chân phải lên cao một cách nhẹ nhàng , đồng thời hai tay đưa cò sang ngang và rung lắc cổ tay hít vào.

Nhịp 4 : Về TTCB, thở ra.

Nhịp 5,6,7,8. Như nhịp 1,2,3,4.

IV. Hoạt động tập luyện

Học ôn luyện 4 động tác: vươn thở, tay, chân, lườn và luyện mới các động tác bụng, phối hợp, thăng bằng, nhảy, điều hòa của bài thể dục với cò theo nhịp đếm từ chậm đến nhanh; từ đó rèn luyện năng lực tự học, tự chủ.

V. Vận dụng

Học sinh vận dụng tập luyện hàng ngày.

NHỮNG ĐIỀU EM CẦN BIẾT ?

Trường THCS Trần Quốc Tuấn

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Thể Dục	1).....	1.....

	2.....

	3.....

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 7
TUẦN 5, 6 (2/10-16/10/2021)

CHẠY CỰ LI NGẮN

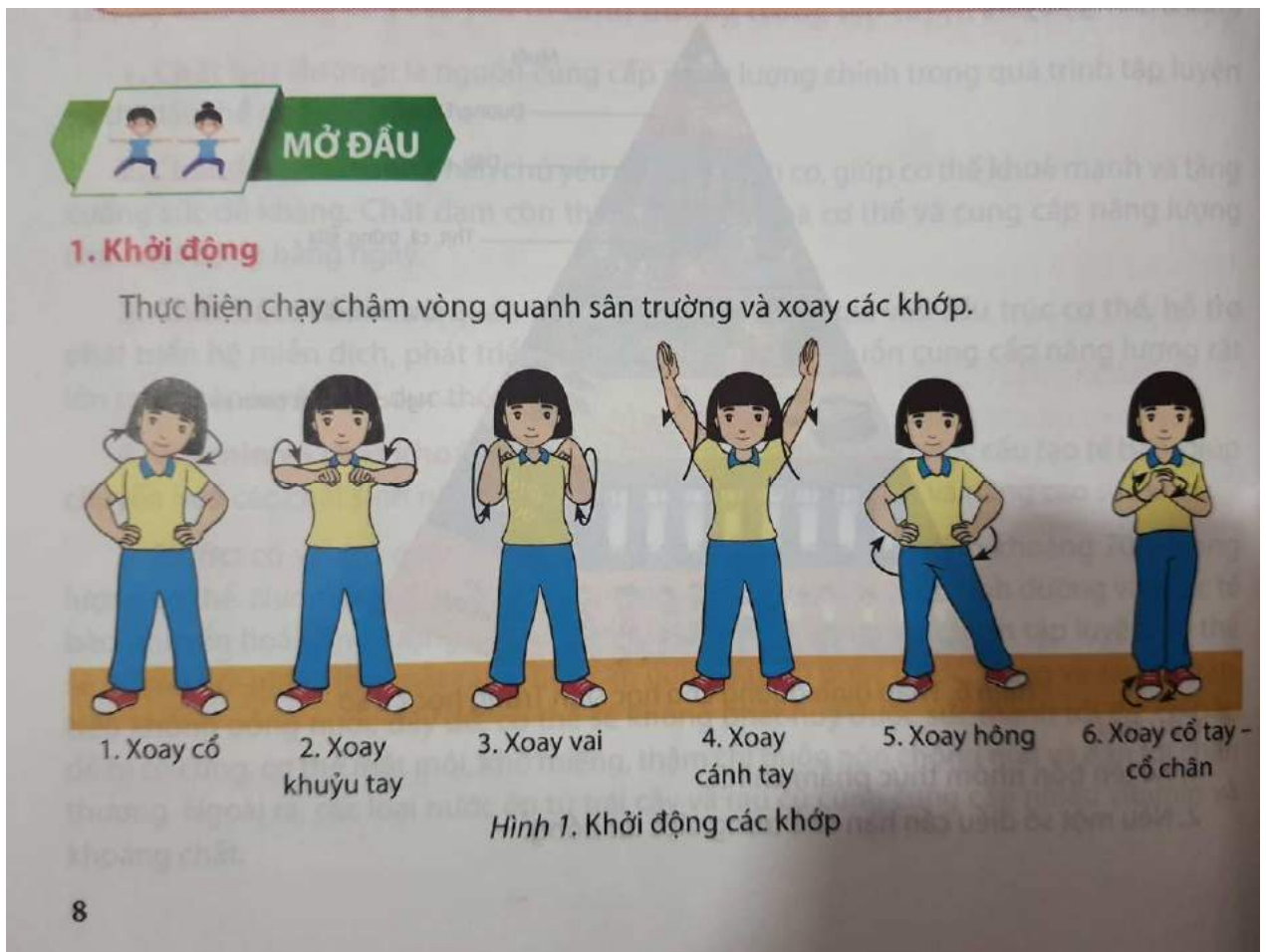
I. Mục tiêu

- Hướng dẫn được học sinh ôn lại 9 động tác thể dục, từ đó góp phần hình thành thành phần năng lực vận động cơ bản.
- Học mới các động tác hỗ trợ trong chạy cự li ngắn.
- Đảm bảo học sinh tự giác tích cực trong tập luyện.

II. Hoạt động mở đầu

Khởi động

Thực hiện xoay các khớp: xoay cổ; xoay khuỷu tay; xoay vai; xoay cánh tay; xoay hông; xoay cổ tay cổ chân.



- Thực hiện động tác căng cơ: căng cơ tay vai trước, căng cơ tay vai sau...

III. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Ôn lại 9 động tác thể dục với cờ.

2. Học mới chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau và đánh tay trong chạy ngắn.

+ ĐỘNG TÁC BƯỚC NHỎ:

Hai chân luân phiên thực hiện tiếp đất bằng nửa trước bàn chân, miết nhẹ. Sau khi kết thúc miết bàn chân, căng chân thẳng, động tác gần như động tác bước đi. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay hơi co, đánh phối hợp tự nhiên.



+ ĐỘNG TÁC NÂNG CAO ĐŨI:

Hai chân luân phiên thực hiện nâng sao cho đầu gối cao ngang thắt lưng. Đùi vuông góc với căng chân và song song với mặt đất. Chân trụ thẳng, tiếp đất bằng nửa trước bàn chân. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay hơi co, đánh phối hợp tự nhiên.



+ ĐỘNG TÁC NÂNG CAO ĐŨI:

Chân trước co, nâng gối cao ngang thắt lưng. Chân sau đạp duỗi thẳng. Hai chân luân phiên thực hiện. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay co, đánh phối hợp tự nhiên.



+ ĐỘNG TÁC ĐÁNH TAY:

Hai chân đứng trước sau, gối hơi khuyu. Thân trên thẳng. Hai tay hơi co, bàn tay nắm hờ, luân phiên đánh trước sau. Tay đánh ra trước cao ngang ngực, cách cầm một gang tay. Tay còn lại đánh rộng ra sau sao cho khuỷu tay nâng cao gần ngang vai.



IV. Hoạt động tập luyện.

- Học sinh ôn lại bài thể dục liên hoàn và tập luyện các bài tập bổ trợ trong nội dung chạy ngắn từ chậm đến nhanh; từ đó rèn luyện năng lực tự học, tự chủ.

V. Vận dụng

Kể tên các động tác bổ trợ kỹ thuật chạy mà em biết ? .

NHỮNG ĐIỀU EM CẦN BIẾT ?

Trường THCS Trần Quốc Tuấn

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Thể Dục	1).....	1.....

	2.....

	3.....

* **Phiếu học tập tuần 4 âm nhạc 7**

TIẾT 4

HỌC HÁT : LÍ CÂY ĐÀ

quan họ Bắc ninh



pngtree.com

I. Giới thiệu về tác giả và tác phẩm

1. Giới thiệu về dân ca quan họ Bắc Ninh

- Dân ca quan họ Bắc Ninh được hình thành khá lâu đời, đó là những làn điệu dân ca của vùng đồng bằng Bắc Bộ, tập trung chủ yếu ở vùng Kinh Bắc (49 làng thuộc Bắc Ninh và Bắc Giang). Đây là môn nghệ thuật được hợp thành bởi nhiều yếu tố như âm nhạc, lời ca, phục trang, lễ hội ... với một lối hát giao duyên dân dã, thể hiện mối quan hệ gắn bó tình nghĩa giữa những "liền anh", "liền chị" hát quan họ và là nét văn hóa tiêu biểu của người dân vùng Kinh Bắc.

- Vào lúc 16h55 ngày 30/9/2009 tại thủ đô Abu Dhabi của Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Ủy ban UNESCO đã công nhận quan họ Bắc Ninh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, dựa trên các giá trị văn hóa, giá trị lưu giữ, tập quán xã hội, nghệ thuật trình diễn, phong cách ứng xử, ca từ và trang phục.

2. Tìm hiểu tác phẩm

- Bài hát được viết ở loại n nào?

- Nhịp 2/4

- Trong bài có sử dụng các hiệu âm nhạc gì?

- Dấu luyến và dấu nối

- Theo em bài hát có thể chia làm mấy câu?

- Chia làm 2 câu

Câu 1: Từ đầu đến... Ơi a cây

Câu 2: Từ Ai đem... Ơi a cây đa

(Ô nhịp đầu tiên của bài nhịp thiếu gọi là nhịp lấy đa)

pngtree.com

Lí cây đa

Dân ca Quan họ Bắc Ninh

Hơi nhanh

Trèo lên quán dốc ngồi gốc ới a cây
đa rằng tôi lý ới a cây đa rằng tôi lối ới a cây
đa. Ai đem a tình tít tang tình rằng cho đôi mình
gặp xem hội cái đêm hôm rằm rằng tôi lý ới a cây
đa rằng tôi lối ới a cây đa.

II. Học hát:

**“Trèo lên quán đốc
Ngồi gốc cây đa
Cho đôi mình gặp
Xem hội đêm rằm**



Từ lời thơ trên, ông cha ta đã sáng tác thành một bài ca hoàn chỉnh và còn lưu truyền đến ngày nay. Với chất nhạc vui tươi, dí dỏm, mềm mại, bài hát gợi lên không khí của ngày hội quan họ.

1. Nghe mẫu

Nhạc có lời <https://www.youtube.com/watch?v=-pkJSmeiC6I>

Lí cây đa

Dân ca Quan họ Bắc Ninh

Hơi nhanh



Trèo lên quán dốc ngồi gốc ới a cây
đa rằng tôi lý ới a cây đa rằng tôi lối ới a cây
đa. Ai đem a tình tình tang tình rằng cho đôi mình
gặp xem hội cái đêm hôm rằm rằng tôi lý ới a cây
đa rằng tôi lối ới a cây đa.

2. Tập hát

Nhạc không lời <https://www.youtube.com/watch?v=4WoJkfrLp9U>

Lí cây đa

Dân ca Quan họ Bắc Ninh

Hơi nhanh

Trèo lên quán dốc ngồi gốc ới a cây
đa rằng tôi lý ới a cây đa rằng tôi lối ới a cây
đa. Ai đem a tình tình tang tình rằng cho đôi mình
gặp xem hội cái đêm hôm rằm rằng tôi lý ới a cây
đa rằng tôi lối ới a cây đa.

Hướng dẫn bài tập

- Học thuộc bài hát Lí cây đa
- Tìm hiểu về nhịp $4/4$
- Tìm hiểu bài TĐN số 2 về cao độ, hình nốt, nhịp, ký hiệu âm nhạc.



Chúc các em vui khỏe và học tốt!



Phiếu học tập tuần 3 âm nhạc 7

- Ôn tập: Tập đọc nhạc: TĐN số 1
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Hoàng Việt và bài hát Nhạc rừng



*** Các em chép nội dung bài học vào tập nhé!**

Tiết 3:

- + Ôn tập bài hát: Mái trường mến yêu
- + Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 1
- + Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Hoàng Việt
và bài hát *Nhạc rừng*

I/ Ôn tập bài hát:

Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: Lê Quốc Thắng

Nhạc có lời: <https://www.youtube.com/watch?v=wkZmGw4w8vk>

Nhạc không lời: <https://www.youtube.com/watch?v=OR9q6GDtYhM>

2/ Ôn tập tập đọc nhạc: TĐN số 1.

Nghe nhạc tập đọc theo giai điệu của bài

<https://www.youtube.com/watch?v=nzz6PBtJsQ4>

TĐN SỐ 1 Ca ngợi Tổ quốc (trích)

Nhanh - vui

Nhạc và lời: HOÀNG VÂN

The musical score is written on four staves in 2/4 time. The melody consists of eighth and quarter notes. The lyrics are: 'Tương lai đang đón chờ tay em và noi theo bước đàn anh. Tương lai đang đón chờ tay em đi xây dựng nước nhà.'

Tương lai đang đón chờ tay em
và noi theo bước đàn anh.
Tương lai đang đón chờ tay em
đi xây dựng nước nhà.

II/ Ôn tập Tập đọc nhạc số 1

Ca ngợi Tổ quốc (Trích)

Mời các em hát lời ca bài Tập đọc nhạc số 1
và vỗ tay theo phách Linh

nhạc bài tđn số 1:

<https://www.youtube.com/watch?v=nzz6PBtJsQ4>



III. Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Hoàng Việt và bài hát Nhạc rừng.

1. Nhạc sĩ Hoàng Việt (1928 – 1967)

- Tên thật là Lê Chí Trục. Ông sinh Năm 1928, quê ở xã An Hữu, Huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

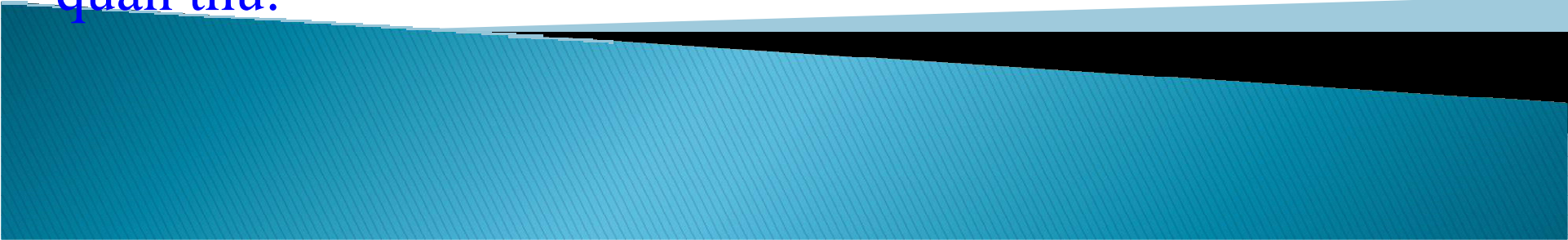
- Các tác phẩm tiêu biểu: Lên ngàn, Lá xanh, Mùa lúa chín, Tình ca,....

- Tác phẩm Quê hương của ông là bản giao hưởng nhiều chương đầu tiên của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Ông đã hi sinh năm 1967.

- Năm 1996, ông được nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.



2. bài hát Nhạc rừng:

- Bài hát được sáng tác 1953, ở miền đông Nam Bộ,
 - Bài hát được viết nhịp 3/4
 - Bài hát như một bức tranh sinh động, tràn đầy âm thanh của thiên nhiên. Những tiếng chim, tiếng suối, tiếng lá rừng...
 - Cùng hòa quyện vào nhau tạo nên một bản nhạc rừng bất tận, trong đó nổi lên hình ảnh các anh bộ đội trẻ tuổi lạc quan yêu đời, say mê ca hát và cũng rất anh dũng chống quân thù.
- 

Link nghe bài hát:

<https://www.youtube.com/watch?v=bDAKgTh2fhE>

Nhạc rừng

Moderato - Trong sáng Nhạc và lời : HOÀNG VIỆT

Cúc cu! Cúc cu! Chim rừng ca trong nắng. Im
nghe! Im nghe! Ve rừng kêu liên miên. Rừng
hát gió lay trên cành biếc. Lao xao! Rì rào! Dòng
suối uốn quanh làn nước trôi trong xanh. Róc
rách! Róc rách! nước lượn qua khóm trúc. Lá
rơi! Lá rơi! Xoay tròn nước cuốn trôi. Có
anh chiến sỹ đi qua khu rừng vắng. Lắng nghe nhạc
rừng tâm hồn vui phơi phới. Anh cười một mình rồi

cất tiếng hát vang. Cây rừng dội tiếng theo
lời ca mệnh mang. Tính tang! Tính
tinh! Miên Đông gian lao mà anh đứng. Tính
tang! Tính tinh! Hăng hái chiến đấu với quân thù.
Đường xa chân đi vui bước. Lòng
xuân thêm bao thắm tươi. Nhạc rừng vắng
đưa cũng nhịp bước. Hương rừng thoảng
đưa hồn say sưa. Cúc... ..sưa. Rừng
bát ngát ời rừng mển yêu!

Hướng dẫn bài tập

- Ôn tập bài hát “Mái trường mến yêu” và TĐN số 1.
- Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi nghe bài hát nhạc rừng?
- Xem trước tiết 4 học bài hát “Lí cây đa”
Dân ca quan họ bắc ninh. Sưu tâm và nghe một số bài hát quan họ Bắc Ninh.



Chúc các em vui khỏe và học tốt!

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN ĐỊA LÝ LỚP 7 – TUẦN 04

-o0o-

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC Ở NHÀ

A-KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Chủ đề II
MÔI TRƯỜNG ĐÓI NÓNG

IV-DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP CỦA DÂN SỐ ĐẾN TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG ĐÓI NÓNG

-Dân số đới nóng

+Đới nóng chiếm 50% dân số thế giới.

+Bùng nổ dân số gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho các nước đới nóng => Kiểm soát dân số là mối quan tâm hàng đầu.

-Sức ép của dân số tới tài nguyên và môi trường

+Dân số tăng nhanh => con người đẩy mạnh khai thác tài nguyên và làm suy thoái môi trường => rừng ngày càng bị thu hẹp, đất bạc màu, khoáng sản cạn kiệt, thiếu nước sạch.

+Để giảm bớt sức ép của dân số tới tài nguyên và môi trường, cần giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của người dân.

B-HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1-HS đọc kỹ phần kiến thức trọng tâm ở trên, kết hợp đọc thêm SGK (nếu có) và thông tin trên internet để nắm được cơ bản nội dung bài học.

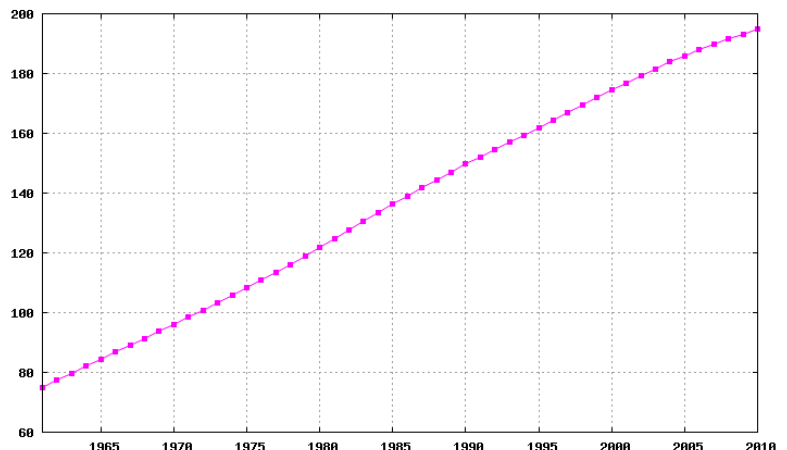
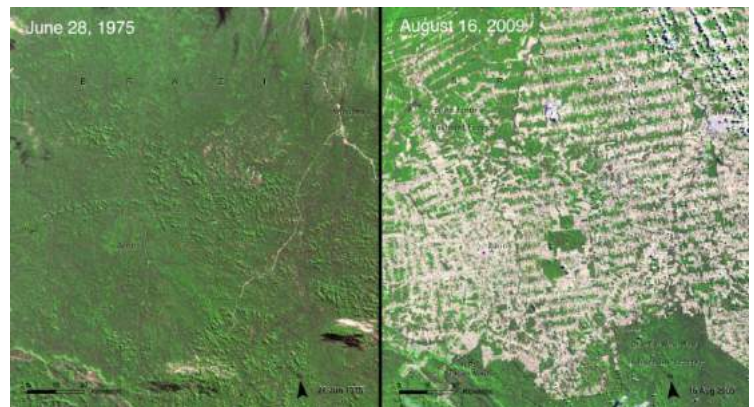
2-Quan sát ảnh chụp từ vệ tinh một khu vực rộng lớn của rừng Amazon ở Brazil vào năm 1975 và năm 2009 và biểu đồ sự gia tăng dân số Brazil từ năm 1960 đến năm 2010.

a-Nhận xét về hiện trạng rừng của khu vực sau 34 năm.

b-Nhận xét về tình hình gia tăng dân số của Brazil trong 50 năm.

c-Thử rút ra mối quan hệ giữa 2 hình ảnh này. Tại sao lại có tình trạng đáng buồn như thế xảy ra?

d-Để khắc phục tình trạng này, cần thực hiện những giải pháp như thế nào?



GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN ĐỊA LÝ LỚP 7 – TUẦN 05

-o0o-

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC Ở NHÀ

A-KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Chủ đề II
MÔI TRƯỜNG ĐỐI NÓNG

IV-ÔN TẬP VÀ THỰC HÀNH VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI NÓNG

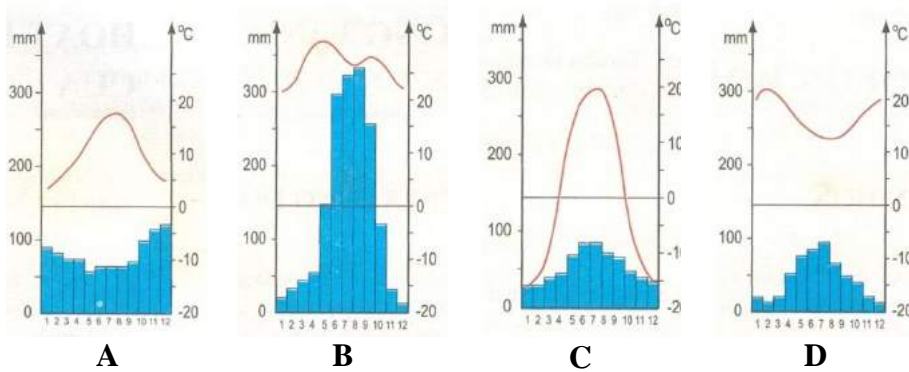
Tóm tắt về vị trí và khí hậu của các kiểu môi trường đối nóng

Môi trường	Vị trí	Đặc điểm khí hậu
Đới nóng	Nằm giữa 2 chí tuyến	Nóng, có gió tín phong thổi quanh năm
Xích đạo ẩm	nằm trong khoảng 5°B và 5°N.	Nắng nóng, mưa nhiều quanh năm.
Nhiệt đới	nằm trong khoảng 5°B và 5°N đến chí tuyến ở cả hai nửa cầu	Nóng quanh năm, có thời kỳ khô hạn, càng gần chí tuyến mùa khô càng dài, biên độ nhiệt trong năm càng lớn.
Nhiệt đới gió mùa	ở Nam Á và Đông Nam Á.	Nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió mùa. Thời tiết diễn biến thất thường.

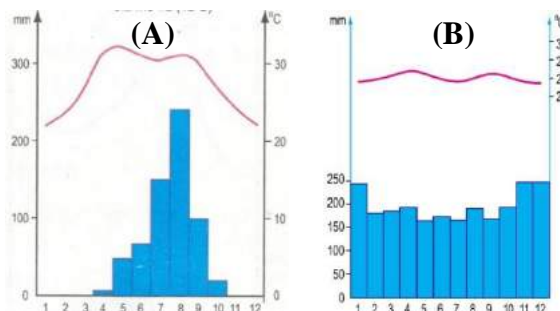
B-HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1-HS đọc kỹ phần kiến thức trọng tâm ở trên, kết hợp đọc thêm SGK (nếu có) và thông tin trên internet để nắm được cơ bản nội dung bài học.

2-Trong 4 biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây, biểu đồ nào thuộc về đới nóng? Hãy giải thích tại sao?



3-Quan sát 2 biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở bên cạnh và cho biết lược đồ nào thuộc về môi trường nhiệt đới? Hãy giải thích tại sao em lại chọn như vậy?



(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GDCD 7
(Tuần 4)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Chủ đề 2: (tt) Trung Thực (tt)</p>	<p>- Ý nghĩa của trung thực - Nêu một số tấm gương thể hiện tính trung thực.</p>
<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của trung thực Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Kì phùng địch thủ” <i>Nêu việc làm thể hiện tính trung thực và không trung thực</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe hướng dẫn, làm việc nhóm suy nghĩ, trả lời. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. GV: Việc rèn luyện tính trung thực có ý nghĩa như thế nào?</p>	<p>II. Nội dung bài học: 3. Ý nghĩa: Là đức tính cần thiết và quý báu. Giúp ta - Nâng cao phẩm giá, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội. - Được mọi người tin yêu, kính trọng.</p>

HS: trả lời GV: Nhận xét. Rút ra kết luận	
3. Hoạt động 3: Luyện tập	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>- GV cho HS chia sẻ về những tấm gương thể hiện tính trung thực trong cuộc sống. <i>Những tấm gương thể hiện tính trung thực trên có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân và xã hội?</i></p> <p>Bước 2: Nhận xét, Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS.</p> <p>- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:</p> <p>+ Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.</p> <p>HS cần làm gì để rèn luyện tính trung thực?</p> <p>GV: Nhận xét- rút ra kết luận</p>	<p style="text-align: center;">➔</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi cử không quay cóp. - Không xem bài của bạn. - Không nói dối bạn bè và thầy cô giáo. - Không nói xấu người khác. - Không đổ lỗi cho người khác. - Dũng cảm nhận lỗi khi mình sai...

Dặn dò:

Sau khi tìm hiểu phiếu học tập HS trả lời các câu hỏi sau:

- Trung thực có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?
- Là Học sinh, em sẽ làm gì để rèn luyện tính trung thực?

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GDCD 7
(Tuần 5)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Chủ đề 2: (tt) TỰ TRỌNG</p>	<p>- Hiểu được thế nào là tự trọng. - Nêu được một số biểu hiện của lòng tự trọng. - Hiểu được ý nghĩa của lòng tự trọng đối với việc nâng cao phẩm giá con người.</p>
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: thế nào là tự trọng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho HS đọc truyện cái vé Một người cha dắt đứa con 6 tuổi đi sở thú chơi. Đến quầy bán vé, người cha dừng lại đọc bảng giá: “Người lớn: \$10.00 Trẻ em trên 5 tuổi: \$5.00 Trẻ em dưới 5 tuổi: Miễn phí” Đọc xong, ông nói với người bán vé: – Cho tôi 1 vé người lớn và 1 vé trẻ em trên 5 tuổi. – Con ông trên 5 tuổi à? – Người bán vé tò mò hỏi lại. – Vâng. – Nếu ông không nói cho tôi biết thì thằng bé được miễn phí rồi. – Vâng, có thể không ai biết, nhưng con tôi tự nó biết. <i>Em có nhận xét gì về người Bố trong câu truyện trên?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe hướng dẫn, làm việc nhóm suy nghĩ, trả lời. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV:</p>	<p>II. Nội dung bài học:</p>

<p>- Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. GV sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>1. Tự trọng: Là biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách, biết điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với các chuẩn mực xã hội.</p>
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: biểu hiện, Ý nghĩa của tự trọng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho HS chia sẻ về một số biểu hiện thể hiện tính tự trọng và 1 số biểu hiện thiếu tự trọng. <i>HS: Suy nghĩ và trả lời</i> Bước 2: Nhận xét, Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: Nhận xét- rút ra kết luận Gv: Cho HS làm bài tập sau <ul style="list-style-type: none"> - Vì ganh tị Mai thường nói xấu Thảo. - Không làm được bài nhưng Lan kiên quyết không quay cóp. - Gặp Cô giáo trên đường, An cúi đầu chào. - Trời mưa to, An vẫn đến nhà kèm Thu học như đã hứa. GV cho HS nhận xét, phân tích từng tình huống. Sau khi tìm hiểu các biểu hiện trên, Theo em lòng tự trọng có ý nghĩa như thế nào? HS: trả lời GV: Nhận xét. Rút ra kết luận</p>	<p>2. BIỂU HIỆN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cư xử đàng hoàng, đúng mực. - Biết giữ lời hứa. - Luôn làm tròn nhiệm vụ. <p>3. Ý NGHĨA: Giúp ta</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Có nghị lực vượt qua khó khăn. - Nâng cao phẩm giá, uy tín. - Được mọi người tin yêu, kính trọng.
--	---

Luyện tập:

1. HS quan sát gợi ý từ những bức tranh sau để nêu những việc làm mà em biết thể hiện sự tự trọng hoặc thiếu tự trọng.



2. Nêu những việc làm mà em biết thể hiện sự tự trọng hoặc thiếu tự trọng. (mỗi bên 3 ý)

Tự trọng	Thiếu tự trọng

Dặn dò:

Sau khi tìm hiểu phiếu học tập HS trả lời các câu hỏi sau:

- _ Thế nào là tự trọng?
- _ Lòng tự trọng có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?
- _ Làm bài tập

	<p>kéo dài.</p> <p>C. Hình thành muộn, phát triển nhanh, quá trình khủng hoảng, suy vong nhanh.</p> <p>D. Hình thành sớm, phát triển nhanh, quá trình khủng hoảng, suy vong nhanh.</p>
--	--

Bài 6: CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á(Tiếp)

<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p>A. Học sinh đọc nội dung sách giáo khoa lịch sử 7, bài 6 mục 3,4. B. Nội dung chính bài học</p> <p>3.Vương quốc Cam-pu-chia. a/ Từ TKI - VI: Nước Phù Nam. b/ TK VI - IX: Nước Chân Lạp c/ TK IX - XV: Thời kì Ăng-co. - Là thời kì phát triển huy hoàng của chế độ phong kiến Cam-pu-chia : + Nông nghiệp phát triển. + Lãnh thổ mở rộng. + Văn hoá độc đáo, mà tiêu biểu nhất là kiến trúc đền tháp như Ăng-co Vát, Ăng-co Thom. d/ Từ TKXVI-1863: Thời kì suy yếu thực dân Pháp xâm lược biên Cam-pu-chia thành thuộc địa.</p> <p>4. Vương quốc Lào - Trước TKXIII: người Lào Thong. - Sau TKXIII: người Thái di cư đến gọi là người Lào Lùm - Năm 1353: Nước Lạn Xạng được thành lập. - TKXV-XVII: Thời kì thịnh vượng. * <u>Đội nội:</u> Chia đất nước thành các mường để cai trị, xây dựng quân đội do nhà vua chỉ huy * <u>Đội ngoại:</u> - Quan hệ hào hiệp với Cam-pu-chia và Đại Việt. - Kiên quyết chống quân xâm lược Miến Điện. - TKXVIII-XIX: Suy yếu.</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>1. HS trả lời các câu hỏi: Câu 1: Hãy lập niên biểu các giai đoạn phát triển chính của lịch sử Cam- pu – chia đến giữa thế kỉ XIX? Câu 2: Kiến trúc Thạt Luồng của Lào có gì giống và khác với các công trình kiến trúc của các nước trong khu vực?</p> <p>2. Hs luyện tập, trả lời câu hỏi trắc nghiệm Câu 1: Quốc gia nào có lịch sử lâu đời và phát triển nhất ở Đông Nam Á thời trung đại?(H) A. Việt Nam B. Lào C. Cam - pu –chia D. Thái Lan Câu 2: Thời kì thịnh vượng của Lào thời phong kiến là (B)</p>

	<p>A. thời kì Ăng – co</p> <p>C. thời vương quốc Pa – gan</p> <p>Câu 3: Thời kì Ăng – co là thời kì thịnh vượng của nước nào?(B)</p> <p>A. Việt Nam B. Lào C. Cam - pu – chia D. Thái Lan</p> <p>Câu 4: Cư dân Cam - pu – chia do tộc người nào hình thành (H)</p> <p>A. Tộc người Khơ – me B. Tộc người Ba – na</p> <p>C. Tộc người Mường D. Tộc người Thái</p>	<p>B. thời vương triều Mô- giô-pa- hít</p> <p>C. vương quốc Lạn Xạng</p>
--	---	--

CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI CỦA HỌC SINH KHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HỌC TẬP.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
Môn: Lịch sử 7 – Tuần 5

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Bài 7: NHỮNG NÉT CHUNG VỀ XÃ HỘI PHONG KIẾN	
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p>A. Học sinh đọc nội dung sách giáo khoa lịch sử lớp 7, bài 7. B. Nội dung chính bài học</p> <p>1 / <u>Sự hình thành xã hội phong kiến.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - XHPK phương Đông: hình thành sớm, phát triển chậm, suy vong kéo dài - XHPK châu Âu: Hình thành muộn hơn, kết thúc sớm hơn so với XHPK phương Đông -> Chủ nghĩa tư bản hình thành <p>2/ <u>Cơ sở kinh tế - xã hội của xã hội phong kiến.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, kết hợp với chăn nuôi và một số nghề thủ công. - Xã hội gồm hai giai cấp cơ bản: <ul style="list-style-type: none"> + Phương Đông: địa chủ và nông dân. + Phương Tây: lãnh chúa và nông nô. - Phương thức bóc lột bằng địa tô. <p><u>3. Nhà nước phong kiến.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể chế nhà nước: Vua đứng đầu -> Chế độ quân chủ - Chế độ quân chủ phương Đông và châu Âu có sự khác biệt: <ul style="list-style-type: none"> + Phương Đông quyền lực tập trung vào tay vua nhưng đến thời phong kiến vua được tăng thêm quyền lực gọi là Hoàng đế hoặc Đại vương. + Phương Tây lúc đầu quyền lực của vua bị hạn chế trong các lãnh địa nhưng sau đó càng được tập trung cao hơn.
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>1.HS trả lời câu hỏi: Thế nào là chế độ quân chủ?</p> <p>2.Hs luyện tập, trả lời câu hỏi trắc nghiệm</p> <p><u>Câu 1.</u> Đặc điểm của quá trình phát triển xã hội phong kiến phương Đông là</p> <ul style="list-style-type: none"> A. hình thành sớm, phát triển chậm, quá trình khủng hoảng, suy vong kéo dài. B. hình thành muộn, phát triển chậm, quá trình khủng hoảng, suy vong kéo dài. C. hình thành muộn, phát triển nhanh, quá trình khủng hoảng, suy vong nhanh. D. hình thành sớm, phát triển nhanh, quá trình khủng hoảng, suy vong nhanh. <p><u>Câu 2.</u> Đặc điểm của quá trình phát triển xã hội phong kiến châu Âu là</p>

<p>A. Nước Lào B. Nước Tây Ban Nha</p>	<p>C. Nước Ý D: Nước Cam-pu-chia</p>
<p><u>Câu 2</u> Ai là người tìm ra châu Mỹ?</p>	
<p>A. B. Đi-a-xơ B. Va-xcô-đơ-ga-ma</p>	<p>C. C.Cô-lôm-bô D. Ph.Ma-gien-lăng</p>
<p><u>Câu 3</u> Khu vực Đông Nam á hiện nay gồm có bao nhiêu nước?</p>	
<p>A. 10 nước B. 11 nước</p>	<p>C. 12 nước D. 13 nước</p>
<p><u>Câu 4</u> Thời tiền sử, cư dân cổ Đông Nam á đã sử dụng công cụ gì?</p>	
<p>A. Đồ đá B. Đồ đồng</p>	<p>C. Đồ nhôm D. Đồ sắt</p>
<p><u>Câu 5</u> Nhân tố nào là nhân tố cuối cùng,có tính chất quyết định,dẫn tới sự suy sụp của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á?</p>	
<p>A.Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây B. Phong trào khởi nghĩa của nông dân C.Sự xung đột giữa các quốc gia Đông Nam Á D. Sự nổi dậy cát cứ,địa phương ở từng nước</p>	
<p><u>Câu 6</u> Ai được coi là Hoàng đế đầu tiên ở Trung Quốc?</p>	
<p>A. Hán Vũ Đế</p>	<p>C. Chu Nguyên</p>
<p>Chương</p>	
<p>B. Tần Thủy Hoàng</p>	<p>D. Hạ Vũ</p>
<p><u>Câu 7</u> Thời kì thịnh vượng nhất trong lịch sử phong kiến Trung Quốc là:</p>	
<p>A. Thời Tần B. Thời Hán</p>	<p>C. Thời Đường D.Thời Minh</p>
<p><u>Câu 8</u> Chữ viết đầu tiên của người ấn Độ là:</p>	
<p>A. Chữ Kơ-me cổ B. Chữ Hán</p>	<p>C. Chữ Phạn D. Chữ nôm</p>
<p><u>Câu 9:</u> Thời kì phát triển của vương quốc Cam-Pu-Chia là:</p>	
<p>A.Thời kì vương quốc Phù Nam B.Thời kì nhà nước Chân Lạp</p>	<p>C.Thời Ăng-co D.Thời kì vương quốc</p>
<p>Pa-gan</p>	

	<p><u>Câu 10:</u> Thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam á:</p> <p>A. Thế kỉ I đến thế kỉ X C. Thế kỉ X đến thế kỉ XV</p> <p>B. Thế kỉ X đến thế kỉ XVIII D. Từ nửa sau thế kỉ XVIII</p> <p><u>Câu 11.</u> Nông dân bị mất ruộng đất , trở nên nghèo túng , phải nhận ruộng cày của địa chủ là :</p> <p>A . Nông dân tự canh C . Nông dân làm thuê</p> <p>B . Nông dân lĩnh canh D . Nông nô</p> <p><u>Câu 12.</u> Thời kỳ phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam á vào khoảng thời gian :</p> <p>A. Đầu TK X - đầu TK XVIII C. Nửa sau TK X - đầu TK XVIII</p> <p>B. Giữa TK X- đầu TK XVIII D. Cuối TK X - đầu TK XVIII</p> <p><u>Câu 13 :</u> Em hãy điền từ thích hợp vào (...) để trả lời :</p> <p>Vì sao xuất hiện thành thị trung đại ?</p> <p>Từ cuối thế kỷ ...(1) do hàng thủ công ...(2), một số ...(3) đã đưa...(4) của mình đến những nơi có đông người qua lại để buôn bán và ...(5)</p> <p>Từ đó họ lập ra các ...(6) sau trở thành ...(7) gọi là ...(8)</p>
--	--

CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI CỦA HỌC SINH KHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HỌC TẬP.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh

LÀM QUEN VỚI CÁC KIỂU DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH

Môn: Tin học 7

Tuần 4


1. Mục đích, yêu cầu:

- Phân biệt được bảng tính, trang tính và các thành phần chính của trang tính.
- Mở và lưu bảng tính.
- Chọn các đối tượng trên trang tính.
- Phân biệt và nhập các kiểu dữ liệu khác nhau vào ô tính.

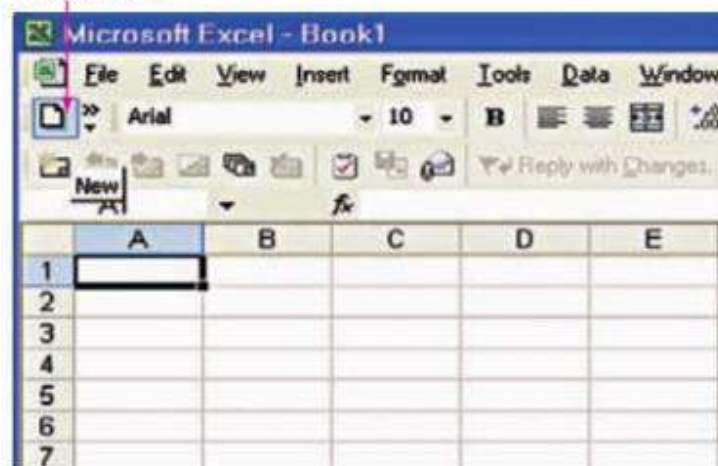
2. Nội dung

a. Mở bảng tính

Em có thể mở bảng tính mới hoặc một bảng tính đã được lưu trên máy tính.

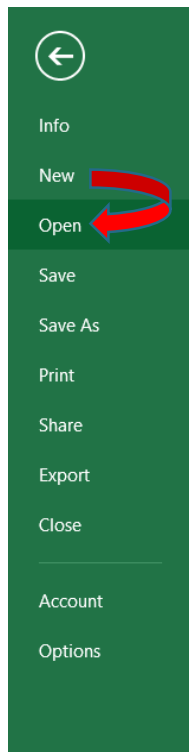
- Khi khởi động chương trình bảng tính, một bảng tính trống được tự động mở ra sẵn sàng để nhập dữ liệu. Nếu cần mở một bảng tính mới khác, em hãy nhấp nút lệnh **New**  trên thanh công cụ (h. 18).

Nút lệnh New

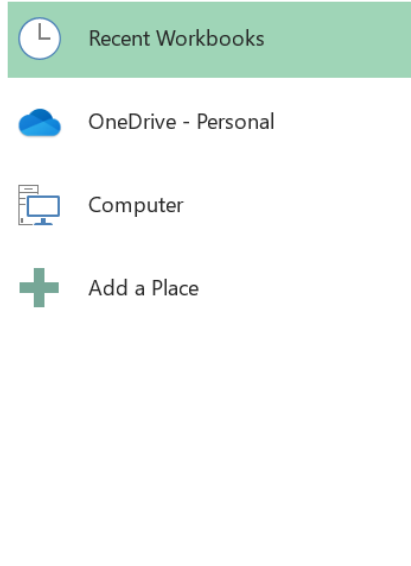


Hình 18

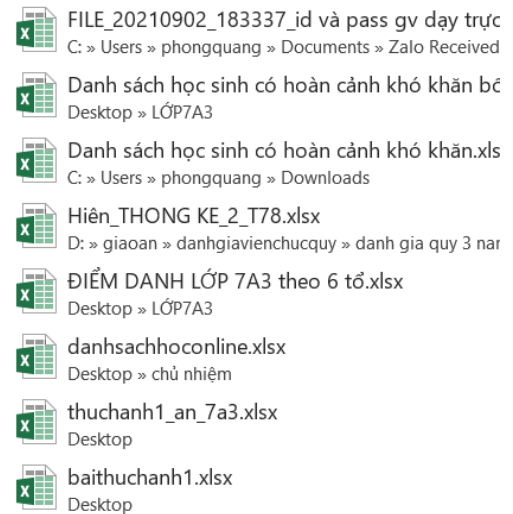
- Để mở 1 tệp đã lưu trên máy các em vào FILE chọn OPEN sau đó tìm tệp đã lưu trên máy



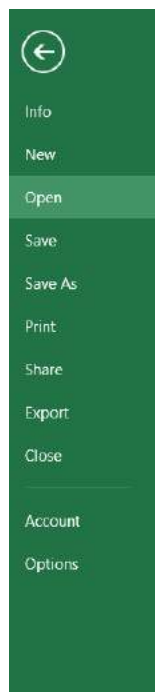
Open



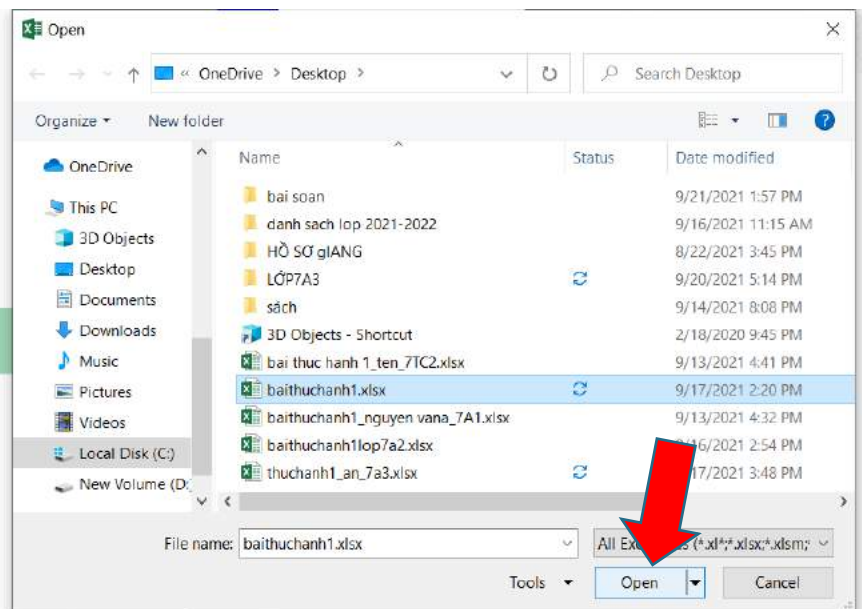
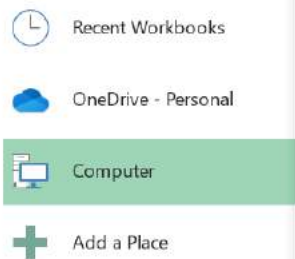
Recent Workbooks



- Chọn tệp cần mở rồi nhấn vào Open



Open



b. Lưu bảng tính với một tên khác

- Vào bảng chọn File và chọn lệnh Save As.

Bài tập 1: Tìm hiểu các thành phần chính trên trang tính

Nhận biết: Ô, hàng, cột, hộp tên, thanh công thức.

Nhập nội dung vào các ô khác nhau, so sánh nội dung dữ liệu trong ô và trên thanh công thức.

- Gõ =5+7 vào ô tùy ý và nhấn phím Enter.

Bài tập 2:

Nhập các dữ liệu sau đây vào các ô trên trang tính của bảng tính *Danh sách lớp em* vừa mở trong Bài tập 3.

	A	B	C	D	E
1	Danh sách lớp em				
2	Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Chiều cao (m)	Nặng (kg)
3	1	Đình Văn Hoàng An	12/5/1994	1.5	36
4	2	Lê Thị Hoài An	1/2/1995	1.48	35
5	3	Lê Thái Anh	4/30/1994	1.58	39
6	4	Phạm Như Anh	2/3/1995	1.49	37
7	5	Vũ Việt Anh	9/15/1995	1.52	36
8	6	Phạm Thanh Bình	3/8/1994	1.5	38
9	7	Trần Quốc Bình	5/6/1994	1.52	38
10	8	Nguyễn Linh Chi	3/12/1993	1.48	37
11	9	Vũ Xuân Cường	7/5/1994	1.51	38
12	10	Trần Quốc Đạt	12/20/1994	1.52	40
13	11	Nguyễn Anh Duy	5/9/1994	1.51	39
14	12	Nguyễn Trung Dũng	11/1/1995	1.52	39

Hình 21

- Lưu bài lại với tên: Sotheoitheluc.xlsx
- Gửi bài lên cột tên mình trong trang: padlet.com

Dặn dò: Chuẩn bị bài mới: Thực hiện tính toán trên trang tính.

Bài 3: THỰC HIỆN TÍNH TOÁN TRÊN TRANG TÍNH

Môn: Tin học 7

Tuần 5

1. Sử dụng công thức để tính toán

Một số ký hiệu phép toán thường dùng

Phép toán	Kí hiệu toán	Kí hiệu trong Excel	Ví dụ trong Excel
Phép cộng	+	+	13 + 5
Phép trừ	-	-	21 - 7
Phép nhân	×	*	3 * 5
Phép chia	:	/	18 / 2
Phép nâng lên lũy thừa	a^x (a là thừa số, x là số mũ)	^	6 ^ 2
Phép tính phần trăm	%	%	6 %

Ví dụ khi cần tính biểu thức $12 \times 2 - 8$ thì em phải gõ là $=12 * 2 - 8$

2. Nhập công thức

Trước khi nhập biểu thức em phải gõ dấu =

1. Chọn ô cần nhập công thức

2. Gõ dấu =

3. Nhập công thức

4. Nhấn ENTER hoặc nháy chuột vào nút này để kết thúc

AVERAGE X ✓ fx = (18+3)/7 + (4-2)^2*5

	A	B	C	D
1				
2		= (18+3)/7 + (4-2)^2*5		
3				
4				

Nếu chọn một ô không có công thức và quan sát *thanh công thức*, em sẽ thấy nội dung trên thanh công thức giống với dữ liệu trong ô. Tuy nhiên, nếu trong ô đó có công thức, em sẽ nhìn thấy công thức trên thanh công thức, còn trong ô là kết quả tính toán theo công thức đó.

A2		fx =10+5		
	A	B	C	
1				
2		15		
3				
4				
5				

Công thức được hiển thị ở đây

Kết quả tính theo công thức

3. Sử dụng địa chỉ trong công thức

AVERAGE		X ✓		fx =(A1+B1)/2	
	A	B	C	D	
1	12	8	$=(A1+B1)/2$		
2					
3					
4					

Như hình minh họa trên là:

- Ô có địa chỉ A1 có giá trị là 12
- Ô có địa chỉ B1 có giá trị là 8
- Tại ô C1 ta có công thức tính $=(A1+B1)/2$ khi nhấn phím Enter thì Ô B1 có giá trị là 10

Học sinh trả lời các câu hỏi sau

1. Bạn Hằng gõ vào một ô tính nội dung $8+2*3$ với mong muốn tính được giá trị công thức vừa nhập. Nhưng trên ô tính vẫn chỉ hiển thị nội dung $8+2*3$ thay vì giá trị 14 mà Hằng mong đợi. Em có biết tại sao không?
2. Từ đâu có thể biết một ô đang chứa công thức hay chứa giá trị cụ thể?
3. Hãy nêu lợi ích của việc sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức.
4. Giả sử cần tính tổng giá trị trong các ô C2 và D4, sau đó nhân với giá trị trong ô B2. Công thức nào trong các công thức sau đây là đúng?
 - a) $(D4+C2)*B2;$
 - b) $D4+C2*B2;$
 - c) $=(D4+C2)*B2;$
 - d) $=(B2*(D4+C2));$
 - e) $=(D4+C2)B2;$
 - g) $(D4+C2)B2.$

➔ Học sinh viết ra đáp án các câu hỏi trên chụp lại và gửi bài làm về trang Padlet.com

NỘI DUNG HỌC TẬP SINH HỌC 7 TUẦN 4

BÀI 7. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ THỰC TIỄN CỦA ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

PHẦN LÝ THUYẾT

NỘI DUNG HS TÌM HIỂU	BÀI HỌC
<p>I. HS tự tổng hợp lại các kiến thức đã học → hoàn thành bảng 1/26 SGK</p> <ul style="list-style-type: none">- Động vật nguyên sinh sống tự do có những đặc điểm gì?- Động vật nguyên sinh sống ký sinh có những đặc điểm gì?- Động vật nguyên sinh có đặc điểm gì chung?	<p>I. Đặc điểm chung ĐVNS có những đặc điểm chung sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cơ thể có kích thước hiển vi, chỉ gồm 1 tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống.- Phần lớn dị dưỡng.- Di chuyển bằng chân giả, lông bơi, roi bơi hoặc tiêu giảm.- Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi.
<p>II. HS đọc thông tin SGK/26, vận dụng những kiến thức đã học → hoàn thành bảng 2/28 SGK</p>	<p>II. Vai trò thực tiễn</p> <p>* Lợi ích:</p> <ul style="list-style-type: none">- Làm thức ăn cho động vật nhỏ, động vật giáp xác- Ý nghĩa về mặt địa chất- Chỉ thị về độ sạch của môi trường nước. <p>* Tác hại:</p> <ul style="list-style-type: none">- Một số ĐVNS gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho người và động vật.

PHẦN BÀI TẬP: Em vận dụng lý thuyết, nghiên cứu SGK làm các bài tập dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP 1	
1. So sánh động vật với thực vật (đánh dấu x vào các ô thích hợp)	
Vai trò thực tiễn	Tên các đại diện
Làm thức ăn cho động vật nhỏ	

Gây bệnh ở động vật	
Gây bệnh ở người	
Có ý nghĩa về địa chất	

2. Giải thích vì sao trong nghề nuôi cá, người ta tìm cách phát triển số lượng động vật nguyên sinh?

.....


.....

.....

.....

BÀI 8. THỦY TỨC

PHẦN LÝ THUYẾT

NỘI DUNG HS TÌM HIỂU	BÀI HỌC
<p>I. HS đọc thông tin SGK/29. Quan sát hình 8.1; hình 8.2</p>  <p>II. HS đọc thông tin sgk/30.</p>	<p>I. Hình dạng ngoài và di chuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nơi sống: sống bám vào cây thủy sinh ở ao, hồ... <i>a. Cấu tạo ngoài :</i> - Cơ thể hình trụ dài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần dưới gọi là đế → bám. + Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có tua miệng. - Cơ thể có đối xứng tỏa tròn. <i>b. Di chuyển:</i> - Theo kiểu sâu đo, lộn đầu <p>II. Cấu tạo trong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành cơ thể có 2 lớp tế bào: <ul style="list-style-type: none"> + Lớp ngoài: TB gai, TB mô bì – cơ, TB thần kinh, TB sinh sản. + Lớp trong: TB mô cơ – tiêu hóa. - Giữa 2 lớp có tầng keo mỏng. - Ruột dạng túi (chưa có hậu môn).


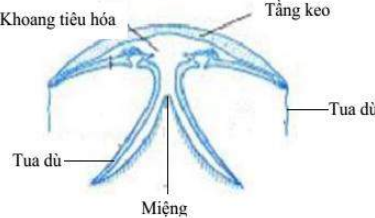
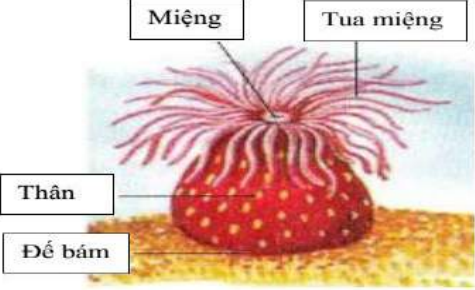
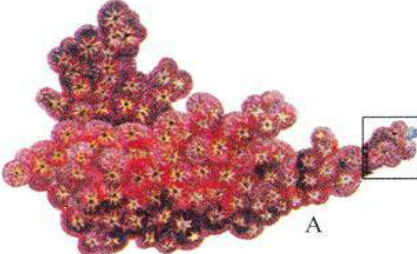
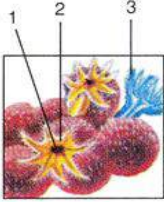
<p>III. HS đọc thông tin SGK/31</p> <p>- Cho biết thủy tức đưa mồi vào miệng bằng cách nào ?</p> <p>- Nhờ loại tế bào nào của cơ thể thủy tức mà mồi được tiêu hóa?</p> <p>IV. HS đọc thông tin SGK/31 và cho biết thủy tức sinh sản bằng những hình thức nào ?</p>	<p>III. Dinh dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy thức ăn bằng tua miệng. - Tiêu hóa thức ăn bằng tế bào mô cơ – tiêu hóa. - Thải bã ra ngoài bằng lỗ miệng. - Trao đổi khí qua thành cơ thể. <p>IV. Sinh sản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh sản vô tính: <ul style="list-style-type: none"> + Mọc chồi. + Tái sinh: từ 1 phần cơ thể tạo nên 1 cơ thể mới. - Sinh sản hữu tính bằng cách hình thành tế bào sinh dục đực, cái.
---	--

PHẦN BÀI TẬP: Em vận dụng lý thuyết, nghiên cứu SGK làm phiếu học tập dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP 2
<p>1. Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể bằng con đường nào ?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>2. Ý nghĩa của tế bào gai trong đời sống của thủy tức.</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

BÀI 9. ĐA DẠNG CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

PHẦN LÝ THUYẾT

NỘI DUNG HS TÌM HIỂU	BÀI HỌC
<p>I. HS đọc thông tin SGK/33 ; quan sát hình 9.1</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;">  <p>Phía lưng</p> <p>Cơ thể sứa trong nước</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Khoang tiêu hóa</p> <p>Tầng keo</p> <p>Tua dù</p> <p>Miệng</p> <p>Cấu tạo bộ dọc của sứa</p> </div> </div> <p>II. HS đọc thông tin SGK/34</p> <div style="text-align: center;">  <p>Miệng</p> <p>Tua miệng</p> <p>Thân</p> <p>Đế bám</p> <p>Cấu tạo hải quỳ</p> </div> <p>III. HS đọc thông tin SGK/34 ; quan sát hình 9.3</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>A</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>B</p> </div> </div> <p style="text-align: center;">Hình 9.3. Cấu tạo san hô A - Cảnh san hô đỏ ; B - Phóng đại một nhánh tập đoàn san hô 1. Lỗ miệng ; 2. Tua miệng ; 3. Cá thể của tập đoàn.</p>	<p>I. Sứa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lối sống bơi lội tự do. - Cơ thể hình dù. - Miệng ở phía dưới cơ thể. - Có tầng keo dày → dễ nổi, khoang tiêu hóa hẹp. - Di chuyển bằng cách co bóp dù → tiến về phía ngược lại. <p>II. Hải quỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống bám đơn độc. - Cơ thể hình trụ, màu sắc rực rỡ. - Phía trên có miệng với nhiều tua miệng xếp đối xứng. - Phía dưới có đế bám. <p>III. San hô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống bám cố định, sống thành tập đoàn. - Có khoang ruột thông với nhau. - Có bộ khung xương bằng đá vôi. - Sinh sản mọc chồi → các cá thể con không tách rời → tập đoàn san hô có hình khối hay hình cành cây.

--	--

PHẦN BÀI TẬP: Em vận dụng lý thuyết, nghiên cứu SGK làm các bài tập dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP	
1. Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính bằng hình thức mọc chồi?
2. Người ta hay dùng tên “cây” san hô khi nói về san hô, gọi như vậy có đúng không? Vì sao?

Bài 10: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

A. Lý thuyết

I. Đặc điểm chung

- Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- Ruột dạng túi
- Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp, đều có các tế bào gai để tự vệ và tấn công

II. Vai trò

- Trong tự nhiên:
 - + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên
 - + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển.
- Đối với đời sống:

- + Làm đồ trang trí, trang sức: San hô.
- + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi cho xây dựng: San hô.
- + Làm thực phẩm có giá trị: Sứa
- + Hoá thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất.
- Tác hại:
 - + Một số loại gây độc, ngứa cho người: Sứa.
 - +Tạo đá ngầm làm ảnh hưởng đến giao thông.

B. Bài tập

Câu 1: Cấu tạo của Ruột khoang sống bám và Ruột khoang bơi lội tự do có đặc điểm gì chung?

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Em hãy kể tên các đại diện của Ruột khoang có thể gặp ở địa phương em?

.....

.....

.....

.....

Câu 3*: Để đồ phòng chất độc khi tiếp xúc với một số động vật ngành Ruột khoang phải có phương tiện gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 4: San hô có lợi hay có hại? Biển nước ta có giàu san hô không?

.....

.....

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN

PHIẾU HỌC TẬP TOÁN 7
TUẦN 4+5 (27/9/2021-9/10/2021)

I/ NỘI DUNG BÀI HỌC

KIẾN THỨC	THỰC HÀNH
<p>ĐẠI SỐ: Ôn tập kiến thức: A. Cộng, trừ, nhân, chia, giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ. 1. Cộng, trừ hai số hữu tỉ Với $x = \frac{a}{m}$; $y = \frac{b}{m}$; $a, b \in \mathbb{Z}, m > 0$ $x + y = \frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m},$$x - y = \frac{a}{m} - \frac{b}{m} = \frac{a-b}{m}$ 2. Nhân, chia hai số hữu tỉ Với $x = \frac{a}{b}$; $y = \frac{c}{d}$ ($b, d \neq 0$) $x \cdot y = \frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{a \cdot c}{b \cdot d}$$x : y = \frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{ad}{bc} \quad (y \neq 0)$ 3. Giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ. $x = \begin{cases} x & \text{nếu } x \geq 0 \\ -x & \text{nếu } x < 0 \end{cases}$ B. Lũy thừa của một số hữu tỉ 1. Lũy thừa với số mũ tự nhiên: $x^n = \underbrace{x \cdot x \cdot x \dots x}_n \quad (x \in \mathbb{Q}, n \in \mathbb{N}, n > 1)$ n thừa số Quy ước: $x^1 = x$; $x^0 = 1$ ($x \neq 0$) 2. Tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số $x^m \cdot x^n = x^{m+n}$$x^m : x^n = x^{m-n}; \quad x \neq 0; m \geq n$</p>	<p>1. Thực hiện phép tính a/ $-\frac{8}{5} + \left(-3\frac{1}{4}\right) - \frac{2}{3}$ $= \frac{-8}{5} + \frac{-13}{4} - \frac{2}{3}$$= \frac{-96}{60} + \frac{-195}{60} - \frac{40}{60}$$= \frac{-331}{60}$ b/ $-4 + \left(-5\frac{1}{8}\right) + \left(-\frac{3}{4}\right)$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ (ĐS: $-\frac{79}{8}$) c/ $3\frac{1}{2} + \left(-\frac{2}{3}\right) - \frac{0,42}{0,84}$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ (ĐS: $\frac{7}{3}$) d/ $\frac{-2}{5} \cdot \frac{7}{9} + \frac{-2}{5} \cdot \frac{2}{9}$ $= \frac{-2}{5} \cdot \left(\frac{7}{9} + \frac{2}{9}\right)$$= \frac{-2}{5} \cdot 1$$= \frac{-2}{5}$ e/ $\frac{11}{18} \cdot \frac{7}{12} - \frac{7}{12} \cdot \frac{-7}{18}$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$</p>

3. Lũy thừa của lũy thừa

$(x^m)^n = x^{mn}$

4. Lũy thừa của một tích

$(x \cdot y)^n = x^n \cdot y^n$

5. Lũy thừa của một thương

$\left(\frac{x}{y}\right)^n = \frac{x^n}{y^n} \quad (y \neq 0)$

(ĐS: $\frac{7}{12}$)

f/ $\frac{1}{8} \cdot \frac{-3}{5} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{8} + \frac{3}{4} \cdot \frac{-8}{5}$
=
=
=

(ĐS: $\frac{-33}{20}$)

2. Tìm x, biết:

a/ $|x| - \frac{3}{5} = \frac{5}{9}$
 $|x| = \frac{5}{9} + \frac{3}{5}$
 $|x| = \frac{52}{45}$
 $x = \frac{52}{45}$ hoặc $x = -\frac{52}{45}$

b/ $\left|\frac{3}{8} - x\right| + \frac{5}{6} = \frac{7}{4}$
 $\left|\frac{3}{8} - x\right| = \frac{7}{4} - \frac{5}{6}$
 $\left|\frac{3}{8} - x\right| = \frac{7}{4} - \frac{5}{6}$
 $\left|\frac{3}{8} - x\right| = \frac{11}{12}$
 $\frac{3}{8} - x = \frac{11}{12}$ hoặc $\frac{3}{8} - x = -\frac{11}{12}$
 $x = -\frac{13}{24}$ hoặc $x = \frac{31}{24}$

c/ $\left|x + \frac{1}{3}\right| - 4 = -1$
.....
.....
.....
.....

(ĐS: $x = \frac{8}{3}$ hoặc $x = -\frac{10}{3}$)

3. Tính

	$\mathbf{a/} \left(\frac{2}{3}\right)^3 - 4 \cdot \left(-1\frac{3}{4}\right)^2 + \left(-\frac{2}{3}\right)^3$ $= \left(\frac{2}{3}\right)^3 + \left(\frac{2}{3}\right)^3 - 4 \cdot \left(-\frac{7}{4}\right)^2$ $= -4 \cdot \frac{49}{16}$ $= -\frac{49}{4}$ $\mathbf{b/} (-0,5)^5 : (-0,5)^3 - \left(\frac{17}{2}\right)^7 : \left(\frac{17}{2}\right)^6$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ <p>(dùng công thức $x^m : x^n = x^{m-n}$. ĐS: $-\frac{33}{4}$)</p> $\mathbf{c/} [(-2,7)^4]^{-5} - [(-2,7)^2]^{10}$ $= \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$ <p>(dùng công thức $(x^m)^n = x^{mn}$. ĐS: 0)</p>
--	---

Bài 7: TỈ LỆ THỨC

1.Định nghĩa:

Tỉ lệ thức là đẳng thức của hai tỉ số
 $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$.

Kí hiệu: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ hoặc **a : b = c : d**

a,b,c,d là các số hạng của tỉ lệ thức
a,d được gọi là ngoại tỉ (số hạng ngoài)
b,c được gọi là trung tỉ (số hạng trong)

2.Tính chất

Tính chất 1:

Nếu $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ thì a.d = b.c

Tính chất 2:

Từ các tỉ số sau có lập được tỉ lệ thức không

a/ $\frac{2}{5} : 4$ và $\frac{4}{5} : 8$

$$\frac{2}{5} : 4 = \frac{1}{10}; \quad \frac{4}{5} : 8 = \frac{1}{10}$$

$$\Rightarrow \frac{2}{5} : 4 = \frac{4}{5} : 8$$

b/ $-3\frac{1}{2} : 7$ và $-2\frac{2}{5} : 7\frac{1}{5}$

$$-3\frac{1}{2} : 7 = \frac{-1}{2}; \quad -2\frac{2}{5} : 7\frac{1}{5} = \frac{-1}{3}$$

$$\Rightarrow -3\frac{1}{2} : 7 \neq -2\frac{2}{5} : 7\frac{1}{5}$$

(Không lập được tỉ lệ thức)

46/26 sgk Tìm x trong các tỉ lệ thứ sau

Nếu $a.d = b.c$ và $a, b, c, d \neq 0$ ta có 4 tỉ lệ thức sau:

$$\frac{a}{b} = \frac{c}{d}; \quad \frac{a}{c} = \frac{b}{d}$$

$$\frac{d}{b} = \frac{c}{a}; \quad \frac{d}{c} = \frac{b}{a}$$

a/ $\frac{x}{27} = \frac{-2}{3,6}$

$$x = \frac{-2.27}{3,6} = -15$$

(hướng dẫn: Muốn tìm số hạng chưa biết trong tỉ lệ thức ta lấy tích hai số hạng trên 1 đường chéo chia cho số hạng còn lại)

b/ $-0,52:x = -9,36:16,38$

$$\frac{-0,52}{x} = \frac{-9,36}{16,38}$$

$$x = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

(ĐS: $x = 0,91$)

c/ $\frac{4\frac{1}{4}}{2\frac{7}{8}} = \frac{x}{1,61}$

$$x = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

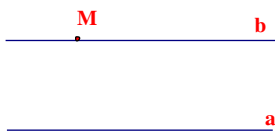
(ĐS: $x = \frac{119}{50}$)

HÌNH HỌC:

Ôn tập kiến thức:

1/ Tiên đề O-clít:

Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng chỉ có một c với đường thẳng đó.



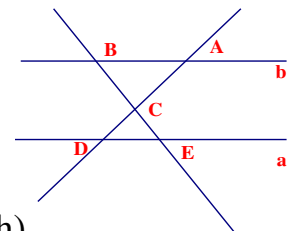
2. Tính chất 2 đường thẳng song song

Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì:

- a) Hai góc so le trong bằng nhau;
- b) Hai góc đồng vị bằng nhau;
- c) Hai góc trong cùng phía bù nhau.

BT 37 (SGK - 95)

Biết $a // b$, các cặp góc bằng nhau của hai ΔABC và ΔCDE là:

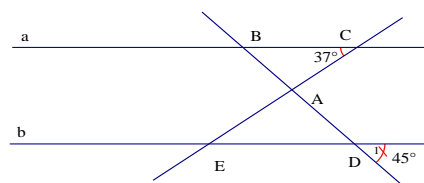


- $\widehat{BCA} = \widehat{DCE}$ (đối đỉnh)
- $\widehat{BAC} = \widehat{CDE}$ (SLT của $a // b$)
- $\widehat{ABC} = \widehat{CED}$ (SLT của $a // b$)

Tương tự làm bài tập sau: Cho hình

vẽ, biết $a // b$; $ACB = 37^\circ$; $D_1 = 45^\circ$.

Tính ABC ; AED ?



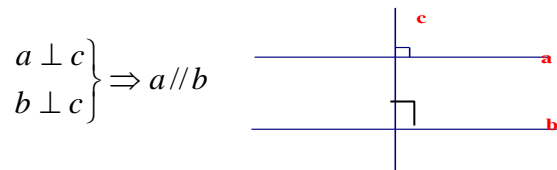
Bài 6: TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG

Bài 40/97 sgk

Căn cứ vào hình 29 hãy điền vào chỗ

1. Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song

* **Tính chất 1:** Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau



* **Tính chất 2:** Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia



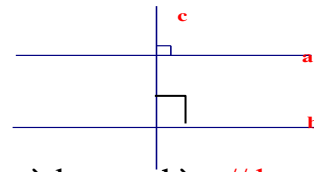
2. Ba đường thẳng song song

* **Tính chất:** Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau



* Chú ý: $a // b // c$

trông

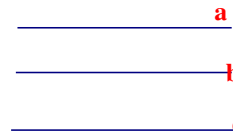


Nếu $a \perp c$ và $b \perp c$ thì $a // b$

Nếu $a // b$ và $c \perp a$ thì $c \perp b$

Bài 41/97 sgk

Căn cứ vào hình 30 hãy điền vào chỗ trống

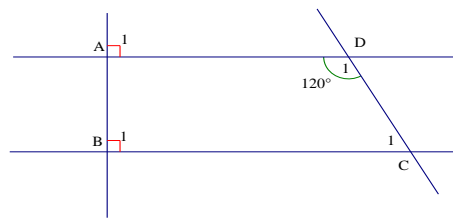


Nếu $a // b$ và $a // c$ thì $b // c$

Bài tập 46 (SGK/98) Xem hình 31

a) Vì sao $a // b$?

b) Tính số đo góc C



a) Vì $a \perp AB$ và $b \perp AB$ nên $a // b$.

b) Vì $a // b$ nên $\angle ADC; \angle DCB$ là hai góc trong cùng phía.

Do đó $\angle ADC + \angle DCB = 180^\circ$

$$120^\circ + \angle DCB = 180^\circ$$

$$\angle DCB = 180^\circ - 120^\circ = 60^\circ$$

II/ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Học sinh cần nắm vững các công thức cộng, trừ, nhân, chia, GTTĐ, lũy thừa của số hữu tỉ.

- Học thuộc định nghĩa, các tính chất (kết hợp SGK hoặc sách Tài liệu Dạy và Học Toán 7 tập 1)

- Xem lại cách làm các bài tập đã sửa, làm các bài tập tương tự đã cho.

III/ ĐỀ TỰ LUYỆN:

Bài 1: Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{12}{25} \cdot \frac{23}{7} - \frac{12}{25} \cdot \frac{12}{7}$

b) $13\frac{2}{7} : \left(\frac{-8}{9}\right) + 2\frac{5}{7} : \left(\frac{-8}{9}\right)$

c) $\left(-1\frac{1}{2}\right) : \frac{3}{4} \cdot \left(-4\frac{1}{2}\right)$

d) $\left(\frac{-6}{11}\right) \cdot \frac{7}{10} \cdot \left(\frac{11}{-6}\right) \cdot (-20)$

Bài 2: Tìm x, biết:

a)

$$\frac{5}{9}x + \frac{3}{5} = -\frac{7}{3}$$

b)

$$\frac{7}{35} : \left(x - \frac{1}{3}\right) = -\frac{2}{25}$$

c) $|2x - 4| + 1 = 5$

d) $3 \cdot |3 - 2x| - 1 = \frac{2}{5}$

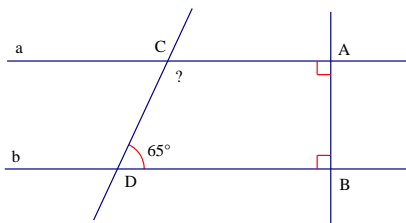
Bài 3: Tìm x trong các tỉ lệ thức sau:

a) $\frac{x}{0,9} = \frac{5}{6}$

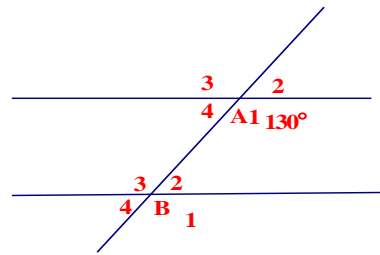
b) $\frac{-6}{x} = \frac{9}{-15}$

c) $\frac{14}{15} : \frac{9}{10} = x : \frac{3}{7}$

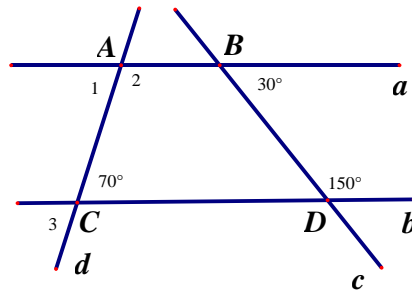
Bài tập 4: Cho hình vẽ, biết $a \perp AB$; $b \perp AB$ và $CDB = 65^\circ$. Tính ACD ?



Bài tập 5: Cho hình vẽ, biết $a \parallel b$ và $\hat{A} = 130^\circ$
 Tính B_1, B_2, B_3



Bài 6: Cho hình vẽ 1. Tính các góc $A_1; A_3$.



(Hướng dẫn: bài 4 và bài 6 chứng minh $a \parallel b$ trước, rồi áp dụng tính chất hai đường thẳng song song tính số đo góc)

Dặn dò:

HS làm bài chụp hình gửi qua zalo lớp hoặc gửi cho Thầy, Cô điều phối viên lần sau. Chúc các em học tốt!

